Ủy ban Dân tộc
19.06.2021 11:01:50 +07:00

ỦY BAN DÂN TỘC	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 433 /QĐ-UBDT	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 2.027 thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của 40 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương *(danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành chức năng rà soát, xác định theo tiêu chí và lập hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp, thẩm định và quyết định điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Vụ, đơn vị của UBDT;
- Lưu: VT,CSDT.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

Hầu A Lềnh

TỔNG HỢP THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổng số thôn đặc biệt khó khăn	Ghi chú
	Tổng cộng	**2.027**	
1	Vĩnh Phúc	0	
2	TP. Hà Nội	0	
3	Quảng Ninh	12	
4	Ninh Bình	0	
5	Hà Giang	81	
6	Cao Bằng	47	
7	Bắc Kạn	65	
8	Tuyên Quang	120	
9	Lào Cai	130	
10	Yên Bái	54	
11	Thái Nguyên	50	
12	Lạng Sơn	94	
13	Bắc Giang	66	
14	Phú Thọ	70	
15	Điện Biên	57	
16	Lai Châu	101	
17	Sơn La	104	
18	Hòa Bình	86	
19	Thanh Hóa	186	
20	Nghệ An	38	
21	Hà Tĩnh	2	
22	Quảng Bình	7	
23	Quảng Trị	16	
24	Thừa Thiên Huế	5	
25	TP Đà Nẵng	0	
26	Quảng Nam	19	
27	Quảng Ngãi	6	
28	Bình Định	7	
29	Phú Yên	10	

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổng số thôn đặc biệt khó khăn	Ghi chú
30	Khánh Hòa	10	
31	Ninh Thuận	10	
32	Bình Thuận	10	
33	Kon Tum	41	
34	Gia Lai	203	
35	Đắk Lắk	84	
36	Đắk Nông	40	
37	Lâm Đồng	49	
38	Bình Dương	0	
39	Bình Phước	25	
40	Tây Ninh	0	
41	Đồng Nai	0	
42	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	
43	Trà Vinh	10	
44	Vĩnh Long	4	
45	An Giang	10	
46	Kiên Giang	10	
47	Cần Thơ	0	
48	Hậu Giang	0	
49	Sóc Trăng	45	
50	Bạc Liêu	0	
51	Cà Mau	43	
52	Hải Dương	0	
53	TP. Hải Phòng	0	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH HÀ GIANG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 81 thôn	
I	**Huyện Yên Minh**	
1	**Xã Mậu Duệ**	
	Lão Lùng	
	Phiếc Đén	
	Ngài Trò	
	Khun Sảng	
	Khau Piai	
2	**Xã Phú Lũng**	
	Thôn Páo Cờ Tủng	
3	**Thị Trấn**	
	Phiêng Trà	
	Nà Sâu	
	Đông Phây	
	Bản Ké	
	Đầu Cầu	
	Bó Quẻng	
	Khuân Áng	
	Nà Quang	
	Nà Hán	
	Nà Pom	
II	**Huyện Quản Bạ**	
1	**Xã Đông Hà**	
	Thôn Cốc Mạ	
2	**Xã Quyết Tiến**	
	Thôn Hoàng Lan	
	Thôn Ngài Thầu Sảng	
	Thôn Lùng Mười	
3	**Xã Quản Bạ**	
	Thôn Pản Hò	
4	**Thị trấn Tam Sơn**	
	Thôn Thượng Sơn	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
III	**Huyện Bắc Mê**	
1	**Xã Yên Định**	
	Thôn Khuổi Trông	
	Thôn Bản Bó	
	ThônNà Khuổng	
	Thôn Ngàm Piai	
2	**Xã Yên Phong**	
	Thôn Phiêng Xa	
IV	**Huyện Vị Xuyên**	
1	**Xã Phương Tiến**	
	Thôn Nà Màu	
	Thôn Nặm Tẹ	
	Thôn Xà Phìn	
	Thôn Mào Phìn	
2	**Xã Tùng Bá**	
	Bản Đén	
	Bản Mào	
	Nà Phày	
	Nà Lòa	
	Bản Kiếng	
	Khuôn Phà	
3	**Xã Phong Quang**	
	Bản Mán	
	Lùng Châu	
	Lùng Giàng A	
	Lùng Giàng B	
	Lùng Pục	
4	**Xã Kim Thạch**	
	Bản Lù	
	Nà Ngoan	
5	**Xã Phú Linh**	
	Lùng Áng	
	Bản Lầy	
6	**Xã Đạo Đức**	
	Thôn Khiếu	
	Bình Vàng	
	Làng Má	
7	**Xã Linh Hồ**	
	Lùng Chang	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
8	**TT Việt Lâm**	
	Tổ 14	
V	**Huyện Bắc Quang**	
1	**Xã Đồng Tâm**	
	Thôn Pha	
	Thôn Lâm	
	Thôn Khuổi Thuổi	
	Thôn Nhạ	
2	**Xã Hữu Sản**	
	Thôn Trung Sơn	
	Thôn Thượng Nguồn	
	Thôn Khuổi Luồn	
3	**Xã Liên Hiệp**	
	Thôn Nà Ôm	
	Thôn Tân Thành 2	
4	**Xã Đông Thành**	
	Thôn Khuổi Hốc	
	Thôn Khuổi Trì	
5	**Xã Kim Ngọc**	
	Thôn Quý Quân	
	Thôn Quý Quốc	
6	**Xã Vô Điếm**	
	Thôn Thíp	
	Thôn Lâm	
7	**Xã Bằng Hành**	
	Thôn Đoàn Kết	
	Thôn Thượng	
VI	**Huyện Quang Bình**	
1	**Xã Bằng Lang**	
	Thôn Tiến Yên	
	Thôn Khuổi Thè	
2	**Xã Tân Bắc**	
	Thôn Nặm Khằm	
3	**Xã Tân Trịnh**	
	Thôn Mác Hạ	
	Thôn Mác Thượng	
4	**Xã Vĩ Thượng**	
	Thôn Hạ Sơn	
5	**Xã Xuân Giang**	
	Thôn Bản Tát	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
6	**Xã Yên Hà**	
	Thôn Yên Sơn	
	Thôn Trung Thành	
	Thôn Khuổi Cuốm	
7	**Thị trấn Yên Bình**	
	Thôn Hạ Sơn	
	Thôn Thượng Sơn	
VII	**Huyện Hoàng Su Phì**	
1	**Thị trấn Vinh Quang**	
	Thôn Pố Lũng	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NINH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 933 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 12 thôn	
I	**Huyện Hải Hà**	
1	**Xã Quảng Sơn**	
	Bản Mảy Nháu	
II	**Huyện Bình Liêu**	
1	**Xã Đồng Tâm**	
	Phiêng Sáp	
	Sam Quang	
2	**Xã Lục Hồn**	
	Thôn Ngàn Mèo Trên	
	Thôn Ngàn Mèo Dưới	
	Thôn Khe O	
	Thôn Cao Thắng	
3	**Xã Vô Ngại**	
	Khủi Luông	
	Nà Nhái	
4	**Xã Húc Động**	
	Thôn Khe Vằn	
5	**TT Bình Liêu**	
	Khu Khe Lạc	
	Khu Khe Và	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH CAO BẰNG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 47 thôn	
I	**Huyện Quảng Hòa**	
1	**TT. Quảng Uyên**	
	Phố Đông Thái	
	Xóm Pác Cam	
	Xóm Đồng Ất	
	Xóm Lũng Luông	
	Xóm Đà Vỹ	
	Xóm Quốc Phong	
2	**Xã Độc Lập**	
	Xóm Nà Lèng	
	Xóm Đoỏng Pán 2	
3	**Thị trấn Hòa Thuận**	
	Xóm Bản Sầm	
	Xóm Nà Dạ	
	Xóm Lũng Cọ	
4	**Xã Đại Sơn**	
	Xóm Bản Mới	
	Xóm Bó Tèng	
II	**Huyện Trùng Khánh**	
1	**Xã Ngọc Côn**	
	Xóm Keo Giáo - Phia Siểm	
	Xóm Khưa Hoi	
2	**Xã Đàm Thủy**	
	Xóm Keo Nà	
	Xóm Bồng Sơn	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Xóm Bản Thuôn	
3	**Xã Phong Châu**	
	Xóm Tân Phong	
4	**Thị Trấn Trà Lĩnh**	
	Xóm Bản Khun	
	Xóm Pò Rẫy	
	Xóm Bản Lang	
	Xóm Tổng Moòng	
	Xóm Vĩnh Quang	
	Xóm Cốc Cáng	
5	**Xã Cao Chương**	
	Xóm Sơn Lộ	
	Xóm Thang Sặp	
III	**Huyện Nguyên Bình**	
1	**TT. Nguyên Bình**	
	Xóm Cốc Bó	
IV	**Huyện Hà Quảng**	
1	**Xã Sóc Hà**	
	Nà Cháo	
	Nà Nghiềng	
	Lũng Pươi	
2	**Xã Ngọc Đào**	
	Nà Giảo	
3	**TT. Xuân Hòa**	
	Bản Giàng	
	Nà Vạc	
	Yên Luật	
	Khuổi Pàng	
4	**TT. Thông Nông**	
	Tổ dân phố 6	
V	**Huyện Hòa An**	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
1	**Thị trấn Nước Hai**	
	Xóm 5 Bế Triều	
2	**Xã Nam Tuấn**	
	Văn Thụ	
	Khau Lềm	
3	**Xã Đức Long**	
	Nà Niền	
	Phia Tráng	
VI	**Huyện Bảo Lạc**	
1	**Xã Huy Giáp**	
	Cốc Sỳ	
	Lũng Pèng	
2	**Thị trấn Bảo Lạc**	
	Xóm Nà Dường	
VII	**Huyện Thạch An**	
1	**Xã Lê Lai**	
	Xóm Nà Lình	
	Xóm Nà Sloòng	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC KẠN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 65 thôn	
I	**Huyện Chợ Mới**	
1	**Xã Thanh Vận**	
	Thôn Nà Đon	
2	**Xã Thanh Thịnh**	
	Thôn Khuổi Lót	
	Thôn Nà Ngài	
	Thôn Nà Giảo	
3	**Xã Nông Hạ**	
	Thôn Nà Quang	
	Thôn Khe Thỉ 1	
	Thôn Khe Thỉ 2	
4	**Xã Bình Văn**	
	Thôn Tài Chang	
5	**Xã Như Cố**	
	Thôn Nà Luống	
II	**Huyện Na Rì**	
1	**Xã Côn Minh**	
	Thôn Lùng Vạng	
	Thôn Nà Thoả	
	Thôn Nà Ngoàn	
	Thôn Áng Hin	
	Thôn Lùng Vai	
	Thôn Lùng Pảng	
2	**Xã Cường Lợi**	
	Thôn Nặm Dắm	
	Thôn Nà Sang	
	Thôn Nà Tát	
3	**Thị trấn Yến Lạc**	
	Tổ nhân dân Bản Pò	
	Tổ nhân dân Phố B	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Khuổi Nằn 1	
4	**Xã Kim Lư**	
	Thôn Khum Mằn	
III	**Huyện Chợ Đồn**	
1	**Xã Nam Cường**	
	Thôn Bản Quá	
	Thôn Bản Lồm	
	Thôn Lũng Noong	
2	**Thị trấn Bằng Lũng**	
	Thôn Bản Duồng 2	
	Thôn Bản Tàn	
	Thôn Nà Pài	
3	**Xã Quảng Bạch**	
	Thôn Bó Pia	
	Thôn Khuổi Vùa	
4	**Xã Bằng Lãng**	
	Thôn Bản Cưa	
5	**Xã Lương Bằng**	
	Thôn Khôn Hên	
6	**Xã Yên Thịnh**	
	Thôn Khuổi Lịa	
7	**Xã Nghĩa Tá**	
	Thôn Bản Bẳng	
8	**Xã Đồng Thắng**	
	Thôn Nà Mèo	
	Thôn Pác Giả	
	Thôn Cốc Quang	
IV	**Huyện Ngân Sơn**	
1	**Xã Vân Tùng**	
	Thôn Tân ý II	
V	**Huyện Bạch Thông**	
1	**Xã Tân Tú**	
	Thôn Bản Mới	
	Thôn Quan Làng	
	Thôn Cốc Bây	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Nà Phát	
	Thôn Nà Xe	
2	**Thị trấn Phủ Thông**	
	Thôn Khuổi Chàm	
	Thôn Khuổi Chả	
	Thôn Khuổi Lừa	
3	**Xã Quân Hà**	
	Thôn Đoàn Kết	
4	**Xã Dương Phong**	
	Thôn Nà Chèn	
	Thôn Khuổi Cò	
VI	**Thành phố Bắc Kạn**	
1	**P. Huyền Tụng**	
	Tổ Khuổi Pái	
VII	**Huyện Ba Bể**	
1	**Xã Địa Linh**	
	Thôn Nà Cáy	
	Thôn Cốc Pái	
	Thôn Tiền Phong	
2	**Xã Thượng Giáo**	
	Thôn Nà Ché	
	Thôn Nà Mặn	
	Thôn Bản Pục	
	Thôn Khuổi Mòn	
	Thôn Phja Khao	
	Thôn Khuổi Slưn	
	Thôn Nà Săm	
	Thôn Pác Phai	
	Thôn Nà Chả	
3	**Xã Hà Hiệu**	
	Thôn Nà Dài	
	Thôn Đông Đăm	
	Thôn Lủng Tráng	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH TUYÊN QUANG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 120 thôn	
I	**HUYỆN LÂM BÌNH**	
1	**Xã Thượng lâm**	
	Thôn Bản Bó	
	Thôn Nà Lầu	
	Thôn Cốc Phát	
	Thôn Nà Ta	
2	**Xã Khuôn Hà**	
	Thôn Nà Ráo	
3	**Xã Lăng Can**	
	Thôn Đon Bả	
	Thôn Khau Quang	
	Thôn Phai Tre A	
	Thôn Phai Tre B	
II	**HUYỆN NA HANG**	
1	**Thị trấn Na Hang**	
	Tổ dân phố Nà Mỏ	
2	**Xã Năng Khả**	
	Thôn Nà Chao	
	Thôn Bản Nhùng	
	Thôn Bản Nuầy	
	Thôn Phiêng Rào	
	Thôn Không Mây	
	Thôn Nà Chang	
	Thôn Lũng Giang	
	Thôn Nà Chác	
3	**Xã Hồng Thái**	
	Thôn Hồng Ba	
	Thôn Khuổi Phầy	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
4	**Xã Côn Lôn**	
	Thôn Nà Ngoãng	
	Thôn Trung Mường	
	Thôn Lũng Vài	
III	**HUYỆN CHIÊM HÓA**	
1	**Xã Xuân Quang**	
	Thôn Ngoan B	
2	**Xã Kim Bình**	
	Thôn Tông Bốc	
3	**Xã Ngọc Hội**	
	Thôn Bản Đâng	
	Thôn Khun Cang	
	Thôn Bản Cải	
4	**Xã Tân An**	
	Thôn Tân Minh	
	Thôn Tân Hợp	
	Thôn Tân Cường	
	Thôn An Vượng	
5	**Xã Nhân Lý**	
	Thôn Gốc Chú	
	Thôn Ba 1	
	Thôn Chản	
	Thôn Khuân Nhất	
IV	**HUYỆN HÀM YÊN**	
1	**Xã Minh Dân**	
	Thôn Đồng Mới	
	Thôn Làng Vai	
	Thôn Ngòi Tèo	
	Thôn Thác Vàng	
	Thôn Kim Long	
2	**Xã Yên Phú**	
	Thôn 6 Minh Phú	
	Thôn 7 Minh Phú	
	Thôn 9 Minh Phú	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn 1 Yên Lập	
	Thôn 2 Yên Lập	
	Thôn 3 Yên Lập	
3	**Xã Phù Lưu**	
	Thôn Lăng Đán,	
	Thôn Bản Ban,	
	Thôn Pá Han,	
	Thôn Quang,	
	Thôn Khâu Lình,	
	Thôn Ban Nhàm,	
	Thôn Trò,	
	Thôn Cọ Nà Tâm,	
	Thôn Làng Chả,	
	Thôn Soi Thành,	
4	**Xã Nhân Mục**	
	Thôn Kai Con	
	Thôn Pù Bó	
5	**Xã Bình Xa**	
	Thôn Đèo Ảng	
6	**Xã Đức Ninh**	
	Thôn Ao Sen 2	
V	**HUYỆN YÊN SƠN**	
1	**Xã Nhữ Khê**	
	Thôn Cây Thị	
	Thôn Đồng Giản	
	Thôn Đồng Cả	
	Thôn Nhữ Khê	
2	**Xã Quý Quân**	
	Thôn 1	
	Thôn 2	
	Thôn 5	
3	**Xã Trung Trực**	
	Thôn Khuổi Lếch	
	Thôn 2	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
4	**Xã Chiêu Yên**	
	Thôn Vàng Lè	
	Thôn Phai Đá	
	Thôn Cây Chanh	
5	**Xã Tân Long**	
	Thôn: 5	
	Thôn: 8	
	Thôn: 12	
	Thôn Cường đạt	
	Thôn: 16	
6	**Xã Tân Tiến**	
	Thôn 4	
7	**Xã Xuân Vân**	
	Thôn Đèo Mủng	
8	**Xã Tiến Bộ**	
	Thôn Đèo Trám	
	Thôn Ngòi Cái	
9	**Xã Chân Sơn**	
	Thôn Đồng Giàn	
10	**Xã Lang Quán**	
	Thôn 20	
11	**Xã Thắng Quân**	
	Thôn Làng chẩu	
12	**Xã Tứ Quận**	
	Thôn Đồng trò	
	Thôn Cây nhãn	
	Thôn Khe Đảng	
	Thôn Đồng Bài	
13	**Xã Phú Thịnh**	
	Thôn Nghẹt	
14	**Xã Kim Quan**	
	Thôn Làng Phát	
15	**Xã Nhữ Hán**	
	Thôn Đồng Rôm	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
16	**Xã Phúc Ninh**	
	Thôn An Lạc	
17	**Xã Mỹ Bằng**	
	Thôn Mỹ Hoa	
VI	**HUYỆN SƠN DƯƠNG**	
1	**Xã Minh Thanh**	
	Thôn Niếng	
	Thôn Toa	
	Thôn Lê	
	Thôn Dõn	
	Thôn Đồng Đon	
	Thôn Cả	
	Thôn Cảy	
	Thôn Ngòi Trườn	
2	**Xã Chi Thiết**	
	Thôn Ninh Phú	
	Thôn Khán Cầu	
	Thôn Bình Yên	
3	**Xã Đông Thọ**	
	Thôn Làng Hào	
	Thôn Làng Mông	
	Thôn Tân An	
4	**Xã Vân Sơn**	
	Thôn An Mỹ	
5	**Xã Kháng Nhật**	
	Thôn Ba Khe	
	Thôn Lẹm	
6	**Xã Văn Phú**	
	Thôn Tân Thành	
7	**Xã Phú Lương**	
	Thôn Lão Nhiêu	
8	**Xã Tân Thanh**	
	Thôn Nga Phụ	
	Thôn Cây Thị	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Bẫu	
	Thôn Cầu Khoai	
	Thôn Cây Nhội	
	Thôn Lục Liêu	
VII	**TP . TUYÊN QUANG**	
1	**Phường Nông Tiến**	
I	Tổ 11	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH LÀO CAI
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

STT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 130 thôn	
I	**Huyện Si Ma Cai**	
1	**Thị trấn Si Ma Cai**	
	Tổ dân phố Nàng Cảng	
	Tổ dân phố Gia Khâu	
	Tổ dân phố Sín Chải	
	Tổ dân phố Na Cáng	
2	**Xã Nàn Sán**	
	Thôn Sảng Chải	
	Thôn Lũng Choáng	
II	**Huyện Bắc Hà**	
1	**Xã Tà Chải**	
	Thôn Na Thá	
2	**Xã Na Hối**	
	Thôn Chìu Cái	
	Thôn Nhìu Lùng	
3	**Xã Bảo Nhai**	
	Thôn Bản Mẹt	
	Thôn Phìn Giàng	
4	**Xã Nậm Đét**	
	Thôn Tống Thượng	
5	**Xã Bản Phố**	
	Thôn Bản Phố 1	
	Thôn Háng Dù	
	Thôn Hấu Dào	
	Thôn Kháo Sáo	
	Thôn Quán Dín Ngài	
	Thôn Trung La	
III	**Huyện Mường Khương**	

STT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
1	**Xã Bản Lầu**	
	Thôn Đồi Gianh	
	Thôn Lùng Cẩu	
2	**Xã Lùng Vai**	
	Thôn Bồ Lũng	
	Thôn Tà San	
3	**Xã Thanh Bình**	
	Thôn Tả Thền A	
4	**TT Mường Khương**	
	Thôn Nhân Giống	
	Thôn Dê Chú Thàng	
	Thôn Choán Ván	
	Thôn Sả Hồ	
	Thôn Chúng Chải B	
	Thôn Lao Chải	
	Thôn Chúng Chải A	
	Thôn Na Đẩy	
5	**Xã Pha Long**	
	Thôn Tả Lùng Thắng	
	Thôn Lồ Cố Chin	
	Thôn Pao Pao Chải	
	Thôn Lồ Suối Tủng	
	Thôn Nì Xỉ 1+4	
IV	**Thị xã Sa Pa**	
1	**Phường Phan Si Păng**	
	Tổ dân phố số 1	
	Tổ dân phố số 5	
2	**Xã Liên Minh**	
	Thôn Bản Sài	
	Thôn Nậm Sang	
	Thôn Nậm Kéng	
	Thôn Nậm Ngấn	
3	**Xã Mường Bo**	
	Thôn Nậm Củm	

STT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Suối Thầu Dao	
	Thôn Suối Thầu Mông	
	Thôn Nậm Lang A	
4	**Phường Hàm Rồng**	
	Tổ dân phố số 1	
	Tổ dân phố số 2	
	Tổ dân phố số 3	
V	**Huyện Bảo Yên**	
1	**Xã Nghĩa Đô**	
	Bản Lằng Đáp	
	Bản Hốc	
	Bản Pác Bó	
2	**Xã Tân Dương**	
	Bản Dằm	
	Bản Cau	
3	**Xã Minh Tân**	
	Thôn Bon 1	
4	**Xã Yên Sơn**	
	Thôn Múi 3	
5	**Xã Vĩnh Yên**	
	Bản Nặm Mược	
	Bản Nặm Khạo	
	Bản Nặm Pạu	
	Bản Nặm Kỳ	
	Bản Tổng Kim	
6	**Xã Cam Cọn**	
	Thôn Cam 3	
	Thôn Cam 2	
	Thôn Cam 1	
	Thôn Cọn 1	
	Thôn Bỗng Buôn	
	Thôn Bỗng 2	
	Thôn Ly 1-2	
	Thôn Ly 2-3	

STT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
VI	**Huyện Bát Xát**	
1	**Xã Bản Qua**	
	Thôn Ná Nàm	
2	**Xã Bản Vược**	
	Thôn San Lùng	
3	**Xã A Mú Sung**	
	Thôn Tung Qua	
	Thôn Phù Lao Chải	
	Thôn Ngải Trồ	
4	**Xã Mường Hum**	
	Thôn Ky Quan San	
	Thôn Séo Pờ Hồ	
	Thôn Tả Pờ Hồ	
5	**Xã Bản Xèo**	
	Thôn Cán Tỷ	
6	**Xã Mường Vi**	
	Thôn Ná Rin	
7	**Xã Dền Sáng**	
	Thôn Trung Chải	
	Thôn Ngải Trồ	
VII	**Huyện Văn Bàn**	
1	**Thị trấn Khánh Yên**	
	Tổ Bản Mạ	
	Tổ Bản Cóoc	
2	**Xã Tân An**	
	Thôn Ba Soi	
	Thôn Ba Xã	
	Thôn Khe Bàn	
3	**Xã Khánh Yên Hạ**	
	Thôn Nà Nheo	
4	**Xã Làng Giàng**	
	Thôn Ít Nộc	
5	**Xã Dương Quỳ**	
	Thôn Bản Khoay	

STT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Tùn Dưới	
	Thôn Nậm Hốc	
6	**Xã Khánh Yên Thượng**	
	Thôn Nậm Cọ	
7	**Xã Chiềng ken**	
	Thôn Ken 3	
	Thôn Đồng Vệ	
	Thôn Bẻ 1	
	Thôn Bẻ 4	
	Thôn Thi	
	Thôn Phúng	
	Thôn Hát Tình	
	Thôn Tằng Pậu	
VIII	**Huyện Bảo Thắng**	
1	**Xã Sơn Hải**	
	Thôn Làng Chưng	
2	**Xã Sơn Hà**	
	Thôn Trà Chẩu	
3	**Xã Xuân Quang**	
	Thôn Cốc Pục	
4	**Xã Phú Nhuận**	
	Thôn Nhuần 2	
	Thôn Nhuần 3	
	Thôn Phú Sơn	
	Thôn Đầu Nhuần	
5	**Xã Thái Niên**	
	Thôn Khe Dùng	
	Thôn Khe Đền 1	
	Thôn Khe Đền 2	
	Thôn Mom Đào 1	
	Thôn Mom Đào	
6	**TT Phố Lu**	
	Thôn Khe Tắm .	
	TDP Phú long 1	

STT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
7	**Xã Gia Phú**	
	Thôn Nậm Phảng	
	Thôn Nậm Trà	
8	**Xã Phong Niên**	
	Thôn Làng Cung 3	
	Thôn Phìn Giàng	
9	**Xã Bản Phiệt**	
	Thôn Pạc Tà	
10	**TT Tằng Loỏng**	
	Tổ dân phố số 8	
	Thôn Tằng Loỏng	
	Thôn Trát 1	
	Thôn Trát 2	
11	**Xã Xuân Giao**	
	Thôn Cù Hà	
IX	**Thành phố Lào Cai**	
1	**Xã Thống Nhất**	
	Thôn Bản Cam	
	Thôn Khe Luộc	
	Thôn An Thành	
2	**Xã Hợp Thành**	
	Thôn Nậm Rịa	
3	**Xã Tả Phời**	
	Thôn Xéo Tả 1	
	Thôn Láo Lý	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH YÊN BÁI
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

STT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 54 thôn	
I	**Huyện Lục Yên**	
1	**Xã An Phú**	
	Thôn Đồng Dân	
2	**Xã Minh Tiến**	
	Thôn Làng Ven	
	Thôn Khau Dự	
	Thôn Làng Sảo	
	Thôn Làng Quị	
	Thôn Khuân Pục	
3	**Xã Khánh Thiện**	
	Thôn Nà Luồng	
	Thôn Tông Mộ	
4	**Xã Tô Mậu**	
	Thôn Trung Tâm	
5	**Xã An Lạc**	
	Thôn Làng Đung	
	Thôn Làng Hốc	
	Thôn Hàm Rồng	
6	**Xã Động Quan**	
	Thôn 4	
	Thôn 7	
	Thôn 10	
	Thôn 11	
	Thôn 12	
	Thôn 13	
7	**Xã Tân Lĩnh**	
	Thôn 8	
	Thôn 9	

STT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
8	**Xã Khai Trung**	
	Thôn Giáp Luồng	
9	**Xã Mường Lai**	
	Thôn 10	
II	**Huyện Văn Chấn**	
1	**Thị trấn Sơn Thịnh**	
	Tổ dân phố Sơn Lềnh	
	Tổ dân phố Đồng Ban	
III	**Huyện Yên Bình**	
1	**Xã Ngọc Chấn**	
	Thôn Thái Y	
2	**Xã Cảm Nhân**	
	Thôn Làng Rẫy	
	Thôn Quyết Thắng 1	
	Thôn Quyết Thắng 2	
3	**Xã Phúc An**	
	Thôn Làng Cại	
4	**Xã Bảo Ái**	
	Thôn Ngòi Ngù	
	Thôn Ngòi Nhầu	
	Thôn Ngòi Ngần	
5	**Xã Xuân Long**	
	Thôn Nà Ta	
	Thôn Tiền Phong	
	Thôn Bình An	
IV	**Thị xã Nghĩa Lộ**	
1	**Xã Thạch Lương**	
	Thôn Nậm Tăng	
	Thôn Nà Đường	
	Thôn Nà Ban	
2	**Xã Phúc Sơn**	
	Thôn Điệp Quang	
	Thôn Bản Muông	
	Thôn Bản Hán	

STT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Bản Thón	
3	**Phường Pú Trạng**	
	Tổ dân phố Bản Noỏng	
	Tổ dân phố Bản Noọng	
	Tổ dân phố Bản Ten	
4	**Xã Nghĩa Phúc**	
	Thôn Bản Bay	
V	**Huyện Văn Yên**	
1	**Xã Xuân Tầm**	
	Thôn Khe Chung	
	Thôn Khe Đóm	
2	**Xã Tân Hợp**	
	Thôn Làng Câu	
3	**Xã Đông An**	
	Thôn Đập Dóm	
VI	**Huyện Trấn Yên**	
1	**Xã Lương Thịnh**	
	Thôn Khe Cá	
2	**Xã Hồng Ca**	
	Thôn Khe Ron	
	Thôn Khe Tiến	
	Thôn Hồng Lâu	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH THÁI NGUYÊN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 933 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 50 thôn	
I	**Huyện Võ Nhai**	
1	**Dân Tiến**	
	Lân Vai	
2	**Xã La Hiên**	
	Khuôn Ngục	
3	**Phú Thượng**	
	Cao Biền	
4	**Xã Tràng Xá**	
	Thắng Lợi	
	Hợp Nhất	
	Chòi Hồng	
	Đồng Bài	
	Là Bo	
5	**Bình Long**	
	Đèo Ngà	
	Long Thành	
	Quảng Phúc	
	Chùa	
	Đồng Bứa	
	Nà Sọc	
	Chịp	
	Đồng Bản	
II	**Huyện Định Hóa**	
1	**Xã Bình Thành**	
	Làng Nập	
	Đồng Đình	
	Quyết Tiến	
	Vũ Hồng	
2	**Xã Bình Yên**	
	Khang Thượng	

	Khang Trung	
3	**Xã Điềm Mặc**	
	Bản Bắc 1	
4	**Xã Lam Vỹ**	
	Nà Làng	
5	**Xã Phú Tiến**	
	Đồng Tiến	
	Hợp Tiến	
6	**Xã Tân Dương**	
	Xóm Tràng	
	Xóm Cóoc	
	Hợp Thành	
7	**Xã Tân Thịnh**	
	Xóm Thịnh Mỹ	
	Xóm Làng Ngõa	
	Xóm Đồng Muồng	
8	**Xã Trung Lương**	
	Cầu Đá	
9	**Xã Định Biên**	
	Xóm Nà To	
	Xóm Gốc Thông	
10	**Xã Phú Đình**	
	Khuôn Tát	
	Nạ Tẩm	
III	**Huyện Đồng Hỷ**	
1	**Xã Quang Sơn**	
	Xóm Lân Đăm	
2	**Xã Cây Thị**	
	Xóm Khe Cạn	
	Xóm Suối Găng	
IV	**Huyện Phú Lương**	
1	**Xã Phú Đô**	
	Na sàng	
	Phú Bắc	
	Phú Nam 8	
2	**Xã Động Đạt**	
	Đồng Tâm	

V	**Huyện Phú Bình**	
1	**Xã Tân Thành**	
	Xóm Đồng bầu Trong	
	Xóm Đồng bầu Ngoài	
2	**Xã Tân Khánh**	
	Xóm Cầu Cong	
3	**Xã Bàn Đạt**	
	xóm Đồng Quan	
	xóm Đá Bạc	
	xóm Cầu Mành	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH LẠNG SƠN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 933 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 94 thôn	
I	**Huyện Bắc Sơn**	
1	**Xã Long Đống**	
	Thôn Rạ Lá	
	Thôn Tân Tiến	
	Thôn Thuỷ Hội	
	Thôn Bản Thí	
2	**Xã Chiêu Vũ**	
	Thôn Tân Kỳ	
3	**Xã Vũ Lăng**	
	Thôn Bản Luông	
4	**Xã Nhất Tiến**	
	Thôn Tiến Hậu	
	Thôn Nà Niệc	
5	**Xã Vũ Lễ**	
	Thôn Lân Kẽm	
6	**Xã Tân Lập**	
	Thôn Nà Cái	
II	**Huyện Bình Gia**	
1	**Xã Tân Văn**	
	Thôn Lân Khinh	
	Thôn Bản Đáp	
	Thôn Bản Nâng	
2	**Xã Bình La**	
	Thôn Cốc Phường	
3	**Xã Vĩnh Yên**	
	Thôn Vằng Mần	
III	**Huyện Cao Lộc**	
1	**Xã Hợp Thành**	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Nà Ca	
2	**Xã Bảo Lâm**	
	Thôn Kéo Có	
	Thôn Nà Ân	
3	**Xã Thụy Hùng**	
	Thôn Nà Lại	
4	**Xã Tân Liên**	
	Thôn Tằm Nguyên-Trong Là	
5	**Xã Xuất Lễ**	
	Thôn Ba Sơn	
	Thôn Tẩu Lìn	
	Thôn Tân Cương	
6	**Xã Cao Lâu**	
	Thôn Sông Danh	
	Thôn Nà Thâm	
	Thôn Pò Phấy	
IV	**Huyện Chi Lăng**	
1	**Thị trấn Đồng Mỏ**	
	Thôn Lũng Cút	
2	**Xã Y Tịch**	
	Thôn Thần Lãng	
3	**Xã Quan Sơn**	
	Thôn Suối Cái	
	Thôn Củ Na	
4	**Xã Thượng Cường**	
	Thôn Hợp Nhất	
	Thôn Nà Hoàng	
V	**Huyện Đình Lập**	
1	**Thị trấn Đình Lập**	
	Khu 7	
2	**TT Nông Trường Thái Bình**	
	Khu 1	
	Khu 6	
3	**Xã Cường Lợi**	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Bản Xum	
4	**Xã Bắc Lãng**	
	Thôn Khe Chòi	
	Thôn Khe Hả	
5	**Xã Đình Lập**	
	Thôn Khe Pùng	
	Thôn Còn Áng	
6	**Xã Bính Xá**	
	Thôn Còn Phiêng	
	Thôn Ngàn Chả	
7	**Xã Kiên Mộc**	
	Thôn Bản Pìa	
	Thôn Bản Chạo	
	Thôn Bản Mục + Bản Táng	
	Thôn Bản Tùm	
	Thôn Khe Bủng	
	Thôn Hin Đăm	
	Thôn Khe Luồng	
VI	**Huyện Hữu Lũng**	
1	**Xã Vân Nham**	
	Thôn Trại Mới	
	Thôn Vận	
	Thôn Đầu Cầu	
	Thôn Bản Mới	
2	**Xã Yên Vượng**	
	Cây Hồng - Mỏ Tối	
3	**Xã Đồng Tiến**	
	Thôn Mỏ Ám	
	Đèo Cáo - Lân Chàm	
4	**Xã Hòa Sơn**	
	Thôn Suối Trà	
	Thôn Đoàn Kết	
	Thôn Trại Dạ	
VII	**Huyện Lộc Bình**	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
1	**Thị trấn Lộc Bình**	
	Khu Pò Mục	
2	**Xã Khuất Xá**	
	Thôn Lải Ngòa	
3	**Xã Tú Mịch**	
	Thôn Bản Luồng	
	Thôn Bản Rọoc	
VIII	**Huyện Tràng Định**	
1	**Xã Quốc Khánh**	
	Thôn Bản Dỉ	
	Thôn Lũng Toòng	
2	**Xã Quốc Việt**	
	Thôn Kéo Phấy	
3	**Xã Đề Thám**	
	Thôn Khuổi Vai	
	Thôn Cốc Slầy	
4	**Xã Hùng Sơn**	
	Thôn Bản Piềng	
	Thôn Bản Pioòng	
5	**Xã Cao Minh**	
	Thôn Khuổi Vai	
	Thôn Kéo Danh	
6	**Xã Kháng Chiến**	
	Thôn 2	
	Thôn 6	
	Thôn 1	
IX	**Huyện Văn Lãng**	
1	**Xã Thanh Long**	
	Thôn Nà Phân	
	Thôn Nà Vạc	
2	**Xã Hoàng Việt**	
	Thôn Bản Ỏ	
	Thôn Tà Piạc	
3	**Xã Tân Mỹ**	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Khun Đẩy	
4	**Xã Bắc Việt**	
	Thôn Khun Gioong	
5	**Xã Bắc Hùng**	
	Thôn Nà Là	
	Thôn Đồng Tân	
X	**Huyện Văn Quan**	
1	**Xã Yên Phúc**	
	Thôn Nam	
	Thôn Tây A	
2	**Xã Điềm He**	
	Thôn Bản Lải	
	Thôn Nà Bung	
	Thôn Nà Súng	
	Thôn Khun Pàu	
	Thôn Thống nhất	
3	**Xã Hữu Lễ**	
	Thôn Bản Chặng	
	Thôn Bản Só	
	Thôn Nà Lùng	
4	**Thị trấn Văn Quan**	
	Phố Nà Lộc	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG
GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 66 thôn	
I	**HUYỆN LẠNG GIANG**	
1	**Xã Hương Sơn**	
	Thôn Khuân Giàn	
	Thôn Hèo	
II	**HUYỆN SƠN ĐỘNG**	
1	**Thị trấn An Châu**	
	Tổ dân phố Cại	
	Tổ dân phố Đình	
	Tổ dân phố Hạ 1	
	Tổ dân phố Phe	
	Tổ dân phố Lừa	
	Tổ dân phố Lốt	
	Tổ dân phố Ké	
	Tổ dân phố Mỏ	
2	**Xã Tuấn Đạo**	
	Thôn Tuấn Sơn	
	Thôn Đông Bảo Tuấn	
	Thôn Am Hà	
	Thôn Nam Bồng	
	Thôn Mùng	
3	**Xã Long Sơn**	
	Thôn Tảu	
	Thôn Thượng	
	Thôn Đẫng	
III	**HUYỆN LỤC NGẠN**	
1	**Xã Tân Lập**	
	Thôn Đồng Con 1	
	Thôn Tân Tiến	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Hòa Trong	
	Thôn Hòa Thịnh	
	Thôn Đồng Tâm	
	Thôn Cà Phê	
2	**Xã Kim Sơn**	
	Thôn Đồng Phúc	
	Thôn Đồng Láy	
3	**Xã Biên Sơn**	
	Thôn Đức Thắng	
4	**Xã Thanh Hải**	
	Thôn Khuân Rẽo	
5	**Xã Kiên Thành**	
	Thôn Cai Lé	
6	**Xã Tân Hoa**	
	Thôn Khuân Lương	
	Thôn Xóm Cũ	
	Thôn Vặt Ngoài	
IV	**HUYỆN LỤC NAM**	
1	**Xã Trường Giang**	
	Thôn Tòng Lệnh 3	
	Thôn An Phúc	
	Thôn Đồng Chè	
2	**Xã Nghĩa Phương**	
	Thôn Dùm	
	Thôn Đồng Man	
	Thôn Mương Làng	
	Thôn Bãi Ô	
	Thôn Hố Nước	
3	**Xã Tam Dị**	
	Thôn Hòn Ngọc	
	Thôn Trại Trầm	
	Thôn Bãi Lời	
	Thôn Hố Dẻ	
4	**Xã Bảo Sơn**	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Đồng Cống	
	Thôn Hồ Sơn 1	
	Thôn Quất Sơn	
V	**HUYỆN YÊN THẾ**	
1	**Xã Đồng Tiến**	
	Bản Cây Thị	
	Bản Đồng An	
	Bản Cây Vối	
	Bản Khe Ngọn	
	Bản Gốc Bòng	
2	**Xã Canh Nậu**	
	Bản Trại Sông	
	Bản Gốc Dổi	
	Bản Nà Táng	
	Bản Còn Trang	
	Bản Đống Cao	
	Bản Dốc Đơ	
3	**Xã Tiến Thắng**	
	Thôn Rừng Chiềng	
	Thôn Song Sơn	
	Thôn Hố Luồng	
4	**Xã Tân Hiệp**	
	Thôn Đồng Bông	
5	**Xã Đông Hưu**	
	Thôn Trại Mới	
	Thôn Mỏ Hương	
6	**Xã Đông Sơn**	
	Thôn Hố Dích	
	Thôn Ao Cạn	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH PHÚ THỌ
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 433/QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng công: 70 thôn	
I	**HUYỆN ĐOAN HÙNG**	
1	**Xã Yên Kiện**	
	Khu 8	
2	**Xã Hùng Xuyên**	
	Đông Dương	
	Hồng Minh	
	Đoàn Kết	
II	**HUYỆN THANH THỦY**	
1	**Xã Tu Vũ**	
	Khu 6	
	Khu 8	
	Khu 15	
	Khu 17	
	Khu 19	
2	**Tân Phương**	
	Khu 7	
III	**HUYỆN THANH SƠN**	
1	**Xã Tất Thắng**	
	Khu 14	
2	**Xã Hương Cần**	
	Đá Cạn	
	Lịch 2	
3	**Xã Tinh Nhuệ**	
	Xóm Viết	
	Láng Mái	
	Xóm Sính	
4	**Xã Văn Miếu**	
	Thành Công	
	Xè 1	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Xè 2	
	Trống	
	Tam Văn	
5	**Xã Võ Miếu**	
	Rịa 1	
	Cốc	
6	**Xã Tân Minh**	
	Gò Vố	
	Mang Bão	
	Dớn	
	Đầm Mười	
7	**Xã Tân Lập**	
	Mít 2	
IV	**HUYỆN TÂN SƠN**	
1	**Xã Thu Cúc**	
	Khu Mỹ Á	
	Khu Liên Chung	
	Khu Tân Lập	
	Khu Ngả Hai	
	Khu Dáy	
	Khu Chiềng 2	
	Khu Ú	
	Khu Cón	
	Khu Quẽ	
	Khu Đồng Tô	
2	**Xã Tam Thanh**	
	Múc Thanh Phú	
	Khu Én	
	Khu Giát Vảo	
	Khu Tảng	
3	**Xã Mỹ Thuận**	
	Khu Cú	
	Khu Bình	
	Khu Chung	
	Khu Mịn 1	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Khu Tân Lực	
	Khu Chóc	
	Khu Mu Vố	
	Khu Đường 1	
	Khu Chiềng	
	Khu Thuận	
4	**Xã Xuân Đài**	
	Ai Mười	
	Căng Đìa	
	Muỗi Bòng	
	Khu Thang	
	Đồng Tào	
5	**Xã Văn Luông**	
	Khu Tân Thịnh	
	Khu Đồng Tún	
	Khu Dòng Bông	
6	**Xã Thạch Kiệt**	
	Khu Lóng	
	Khu Dùng 1	
	Khu Dùng 2	
	Khu Minh Nga	
	Khu Chiềng	
7	**Xã Long Cốc**	
	Khu Bông 2	
	Khu Đải	
6	**Xã Tân Phú**	
	Khu 6	
7	**Xã Minh Đài**	
	Tân Trào	
	Bông Lau	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH ĐIỆN BIÊN
GIAI ĐOẠN 2012 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 933 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 57 thôn	
I	**HUYỆN ĐIỆN BIÊN**	
1	**Xã Thanh Nưa**	
	Bản Giảng Co Ké	
2	**Xã Thanh Luông**	
	Bản Hua Pe	
3	**Thanh Chăn**	
	Bản Púng Nghịu	
4	**Thanh Yên**	
	Bản Phú Yên	
	Bản Phượn	
	Bản Chiềng Tông	
5	**Xã Noong Luống**	
	Bản Co Nôm	
	Bản Huổi Phúc	
	Bản Liếng	
	Bản Lún	
	Bản Thanh Chính	
	Bản On	
6	**Xã Pom Lót**	
	Bản Na Hai	
7	**Xã Sam Mứn**	
	Bản Ban	
	Bản Na Lao	
8	**Xã Noong Hẹt**	
	Bản Noong Bua	
	Bản Bông	
9	**Xã Thanh An**	
	Bản Phiêng Ban	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Bản Cha	
	Bản Huổi Púng	
10	**Xã Núa Ngam**	
	Bản Pá Bông	
	Bản Pá Ngam 1	
	Bản Huổi Hua	
	Bản Tin Lán	
11	**Xã Mường Nhà**	
	Bản Hồi Hương	
	Bản Khon Kén	
	Bản Pha Thanh	
	Bản Pha Lay	
II	**HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG**	
1	**TT. Điện Biên Đông**	
	Tổ dân cư số 1	
	Tổ dân cư số 3	
III	**HUYỆN MƯỜNG ẢNG**	
1	**Thị trấn Mường Ảng**	
	Bản Hón	
2	**Xã Ẳng Nưa**	
	Bản Tát Hẹ	
IV	**HUYỆN TỦA CHÙA**	
1	**Thị trấn Tủa Chùa**	
	Tổ dân phố Bản Cáp	
	Thôn Huổi Lếch	
	Thôn Đông Phi 2	
2	**Xã Mường Báng**	
	Thôn Háng Tơ Mang	
	Thôn Háng Trở	
	Thôn Kể Cải	
	Thôn Sông Ún	
	Thôn Pú Ôn	
	Thôn Nà Áng	
	Thôn Phiêng Bung	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Từ Ngài 1	
V	**HUYỆN MƯỜNG CHÀ**	
1	**Thị trấn Mường Chà**	
	Tổ dân phố 1	
	Tổ dân phố 2	
	Tổ dân phố 10	
VI	**HUYỆN NẬM PỒ**	
1	**Xã Chà Nưa**	
	Bản Nậm Đích	
VII	**THỊ XÃ MƯỜNG LAY**	
1	**Xã Lay Nưa**	
	Bản Huổi Luân	
	Bản Hô Huổi Luông	
	Bản Hô Nậm Cản	
2	**Phường Sông Đà**	
	Bản Huổi Min	
VIII	**TP ĐIỆN BIÊN PHỦ**	
1	**Xã Nà Tấu**	
	Bản Tà Cáng	
	Bản Xôm	
	Bản Nà Cái	
2	**Xã Mường Phăng**	
	Bản Lọng Luông 2	
3	**Xã Nà Nhạn**	
	Bản Nà Pen 2	
	Bản Huổi Chổn	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH LAI CHÂU
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 933 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 101 thôn	
I	**Huyện Mường Tè**	
1	**Xã Mường Tè**	
	Pắc Ma	
2	**Xã Bum Nưa**	
	Nậm Củm	
3	**Thị trấn Mường Tè**	
	Khu phố 9	
	Khu phố 11	
II	**Huyện Nậm Nhùn**	
1	**Xã Mường Mô**	
	Bản Hát Mé	
	Bản Tỏng Pịt	
III	**Huyện Phong Thổ**	
1	**Xã Huổi Luông**	
	Bản Huổi Luông 2	
	Bản Nậm Le 2	
	Bản Chang Hồng 2	
	Bản Nhiều Sáng	
	Bản Hoàng Chù Sào	
	Bản Làng Vây 1	
	Bản Làng Vây 2	
	Bản Ngài Chồ 1	
	Bản Pờ Ngài	
2	**Xã Ma Li Pho**	
	Bản Ma Ly Pho	
3	**Xã Mường So**	
	Bản Vàng Bâu	
	Bản Nà Củng	
	Bản Hồi Sen	

	Tổng cộng: 101 thôn	
I	**Huyện Mường Tè**	
	B. Phiêng Đanh	
IV	**Huyện Tam Đường**	
1	**TT Tam Đường**	
	Bản Thác Tình	
2	**Xã Bản Bo**	
	Bản Cò Nọt Mông	
	Bản Hua Sẳng	
	Bản Nậm Phát	
	Bản Nà Út	
	Bản Hợp Nhất	
	Bản Nà Khuy	
	Bản Phiêng Pẳng	
	Bản Phiêng Tiên	
	Bản Nà Can	
	Bản Nà Khương	
	Bản Phiêng Hoi	
3	**Xã Nùng Nàng**	
	Bản Chin Chu Chải	
	Bản Sáy San III	
	Bản Sáy San I	
	Bản Phan Chu Hoa	
	Bản Xì Miền Khan	
4	**Xã Bình Lư**	
	Bản Nong Luống	
	Bản Nà Cà	
	Bản Nà San	
	Bản Nà Đon	
	Bản Nà Phát	
5	**Xã Hồ Thầu**	
	Bản Tả Chải	
	Bản Phô Hồ Thầu	
	Bản Chù Lìn	
	Bản Rừng Ổi Khèo Thầu	
6	**Xã Bản Hon**	
	Bản Bãi Trâu	

	Tổng cộng: 101 thôn	
I	**Huyện Mường Tè**	
	Bản Bản Thẳm	
	Bản Đông Pao II	
	Bản Hoa Dì Hồ	
7	**Xã Bản Giang**	
	Bản Cốc Pa	
	Bản Nà Bỏ	
	Bản Suối Thầu	
	Bản Tẩn Phù Nhiêu	
V	**Huyện Than Uyên**	
1	**Xã Phúc Than**	
	Bản Sam Sẩu	
	Bản Sắp Ngụa	
	Bản Che Bó	
	Bản Noong Thăng	
	Bản Nậm Vai	
2	**Xã Mường Than**	
	Bản Én Nọi	
	Bản Hô Than	
3	**Xã Mường Cang**	
	Bản Muông	
	Bản Phiêng Cẩm	
	Bản Huổi Hằm	
4	**Xã Mường Kim**	
	Bản Là 1	
	Bản Là 2	
	Bản Nà É	
	Bản Khiết	
	Bản Vi	
	Bản Nà Hày	
	Bản Nà Then	
	Bản Thẩm Phé	
5	**Xã Ta Gia**	
	Huổi Cầy	
	Bản Noong Quài	
	Bản Hua Mỳ	

	Tổng cộng: 101 thôn	
I	**Huyện Mường Tè**	
6	**Xã Hua Nà**	
	Bản Đắc	
VI	**Huyện Tân Uyên**	
1	**Thị trấn Tân Uyên**	
	Tổ 24	
	Chạm Cả	
	Nà Nọi	
	Hô Be	
2	**Xã Nậm Cần**	
	Hua Cần	
3	**Xã Trung Đồng**	
	Hua Cưởm 1	
	Pá Ngùa	
4	**Xã Mường Khoa**	
	Bản Hô Tra	
5	**Xã Tà Mít**	
	Bản Nậm Khăn	
6	**Xã Hố Mít**	
	Bản Mít Nọi	
	Bản Thào	
VII	**Huyện Sìn Hồ**	
1	**Xã Chăn Nưa**	
	Chiềng Chăn	
	Phiêng Diềm	
2	**Xã Nậm Tăm**	
	Nậm Kinh	
	Nà Tăm 3	
3	**Thị trấn Sìn Hồ**	
	Bản Sìn Hồ Dao	
	Bản Sìn Hồ Vây	
4	**Xã Lùng Thàng**	
	Bản Pá Pao	
	Bản Lùng Cù	
	Bản Co Cóóc	
VIII	**Thành phố Lai Châu**	

	Tổng cộng: 101 thôn	
I	**Huyện Mường Tè**	
1	**Xã Sùng Phài**	
	Bản Suối Thầu	
	Bản Trung Chải	
	Bản Tả Chải	
	Bản Sin Chải	
	Bản Căn Câu	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH SƠN LA
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 483 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 104 thôn	
I	**Huyện Yên Châu**	
1	**Xã Chiềng Sàng**	
	Bản Chiềng Sàng	
II	**Huyện Thuận Châu**	
1	**Xã Thôm Mòn**	
	Bản Chùn	
	Bản Phé	
	Bản Lọng Cại	
	Bản Thống Nhất A	
	Bản Thống Nhất B	
2	**Xã Chiềng Ly**	
	Bản Bôm Lầu	
	Bản Bôm Pao	
	Bản Cang	
	Bản Cụ	
	Bản Hán	
	Bản Nà Cài	
	Bản Nà Tong	
3	**Xã Tông Lạnh**	
	Bản Lạn Bóng	
	Bản Tốm	
	Bản Táng A	
	Bản Táng B	
	Bản Bai A	
	Bản Bai B	
III	**Huyện Quỳnh Nhai**	
1	**Xã Chiềng Khoang**	
	Bản Hậu	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
2	**Xã Chiềng Ơn**	
	Bản Đồng Tâm	
3	**Xã Mường Giôn**	
	Bản Hua Xanh	
	Bản Huổi Tèo	
	Bản Huổi Ngà	
	Bản Huổi Văn	
	Bản Kéo Ca	
IV	**Huyện Mộc Châu**	
1	**Xã Chiềng Hắc**	
	Bản Tà Số 1	
	Bản Cò Lìu	
2	**Xã Chiềng Sơn**	
	Bản Dân Quân	
	Bản Hin Pén	
3	**Xã Đông Sang**	
	Bản Co Sung	
	Bản Nà Kiến	
	Bản Pa Phách 2	
4	**Xã Nà Mường**	
	Bản Suối Khua	
	Bản Sằm Nằm	
5	**Xã Hua Păng**	
	Bản Suối Ba	
	Bản Suối Ngõa	
6	**Xã Lóng Sập**	
	Bản Hong Húa	
	Bản Co Cháy	
	Bản Pu Nhan	
	Bản Pha Nhên	
	Bản Buốc Pát	
	Bản Pha Đón	
7	**Xã Phiêng Luông**	
	Bản Pa Hốc	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
8	**Xã Quy Hướng**	
	Bản Chiềng Khòng	
	Bản Nà Giàng 2	
	Bản Vằng Khoài	
	Bản Bến Trai	
	Bản Đồng Giăng	
V	**Huyện Phù Yên**	
1	**Xã Huy Thượng**	
	Bản Núi Hồng	
2	**Xã Tân Phong**	
	Bản Đồng Mã	
	Bản Bông	
	Bản Mùng	
3	**Xã Mường Cơi**	
	Bản Suối Bục	
	Bản Suối Cốc	
4	**Xã Huy Bắc**	
	Bản Sáy Tú	
5	**Xã Tân Lang**	
	Bản Đu Lau	
	Bản Suối Lèo	
6	**Xã Quang Huy**	
	Bản Suối Ngang	
	Bản Suối Ó	
	Bản Suối Gióng	
7	**Xã Huy Tân**	
	Bản Puôi 1	
	Bản Suối Cù	
VI	**Huyện Sông Mã**	
1	**Xã Chiềng Khương**	
	Bản Phụ	
2	**Xã Chiềng Sơ**	
	Bản Huổi Cát	
	Bản Nà Luồng	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Bản Ten Ư	
VII	**Huyện Sốp Cộp**	
1	**Xã Sốp Cộp**	
	Co Hịnh	
	Pá Hốc	
	Tà Cọ	
2	**Xã Dồm Cang**	
	Bản Pá Hốc	
	Bản Huổi Nó	
	Bản Lọng Phát	
VIII	**Huyện Mường La**	
1	**Xã Mường Trai**	
	Bản Huổi Muôn	
	Bản Huổi Ban	
2	**Xã Mường Bú**	
	Huổi Hào	
	Pá Xúm	
3	**Xã Mường Chùm**	
	Bản Huổi Hiểu	
	Bản Nong Chạy	
	Bản Nong Buôi	
4	**Thị trấn Ít Ong**	
	Tiểu khu Nang Cau	
	Bản Chiềng Tè	
	Tiểu khu Phiêng tìn	
	Bản Nà Tòng	
	Bản Nà Nong	
	Tiểu khu Ít Bon	
IX	**Huyện Bắc Yên**	
1	**Thị Trấn**	
	Bản Mới	
2	**Xã Phiêng Ban**	
	Bản Phiêng Ban	
	Bản Tam Hợp	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
3	**Xã Mường Khoa**	
	Bản Khọc B	
	Bản Pa Nó	
X	**Huyện Vân Hồ**	
1	**Xã Chiềng Khoa**	
	Bản Chiềng Lè	
2	**Xã Vân Hồ**	
	Pa Cốp	
	Chua Tai	
XI	**Huyện Mai Sơn**	
1	**Xã Chiềng Mung**	
	Bản Lo	
2	**Xã Cò Nòi**	
	Bản Nong Mòm	
3	**Xã Nà Bó**	
	Bản Kéo Bó	
4	**Xã Mường Bằng**	
	Bản Quỳnh Châu	
5	**Xã Chiềng Chăn**	
	Cầu Đường	
	Nặm Luông	
	Tong Tải B	
6	**Xã Chiềng Chung**	
	Bản Xam Ta	
	Bản Ít Hò	
	Bản Tường Chung	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH HÒA BÌNH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng số: 86 thôn	
I	**Huyện Đà Bắc**	
1	**Xã Toàn Sơn**	
	Xóm Tra	
	Xóm Phủ	
	Xóm Rãnh	
	Xóm Tân Sơn	
2	**Xã Hiền Lương**	
	Xóm Ngù	
	Xóm Mơ	
3	**Xã Tú Lý**	
	Xóm Suối Thương	
II	**Huyện Mai Châu**	
1	**Xã Bao La**	
	Xóm Phày Mòn	
	Xóm Chiềng Pùng	
	Xóm Vanh	
III	**HUYỆN LẠC SƠN**	
1	**Xã Tân Lập**	
	Xóm Tôm Trên	
	Xóm Đồi Đong	
	Xóm Chiềng Vang 1	
	Xóm Đồng	
	Xóm Nganh	
	Xóm Đấc	
2	**Xã Vũ Bình**	
	Xóm Cành 2	
	Xóm Cổi 1	
	Xóm Cổi 2	
	Xóm Dài	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Xóm Đồi	
	Xóm Mè	
	Xóm Đa Gắm	
	Xóm Cảng	
	Xóm Trung Quền	
	Xóm Trang	
3	**Xã Tân Mỹ**	
	Xóm Trội	
	Xóm Bu	
	Xóm Lọt	
4	**Xã Ân Nghĩa**	
	Xóm Chẹ	
	Xóm Bái	
5	**Xã Thượng Cốc**	
	Xóm Ốc	
IV	**Huyện Kim Bôi**	
1	**Xã Hùng Sơn**	
	Xóm Mát	
	Xóm Bưa Cầu	
	Xóm Bà Rà	
	Xóm Chỉ Ngoài	
	Xóm Suối Kho	
2	**Xã Xuân Thuỷ**	
	Xóm Lốc	
3	**Xã Đông Bắc**	
	Xóm Trang	
	Xóm Cặm Cõ	
	Xóm Đồng Nang	
4	**Xã Mỵ Hoà**	
	Xóm Ba Giang	
5	**Xã Kim Bôi**	
	Xóm Gò Cha	
	Xóm Vó Khang	
	Xóm Đồi 1	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Xóm Đồi 2	
	Xóm Cóc Lẫm	
6	**Xã Kim Lập**	
	Xóm Bái	
	Xóm Lột	
	Xóm Lập	
	Xóm Chiệng	
7	**Xã Vĩnh Đồng**	
	Xóm Sống	
	Xóm Đoàn kết	
V	**HUYỆN TÂN LẠC**	
1	**Xã Ngọc Mỹ**	
	Xóm Cóc 1	
	Xóm Cóc 2	
	Xóm Vưa Sống	
	Xóm Đôi	
2	**Xã Mỹ Hòa**	
	Xóm Ngay	
3	**Xã Đông Lai**	
	Xóm Muôn Chếch	
4	**Xã Phong Phú**	
	Xóm Trọng Phú	
5	**TT Mãn Đức**	
	Khu Yên Bình	
	Khu Đoàn Kết	
VI	**Huyện Cao Phong**	
1	**Xã Bắc Phong**	
	Xóm Môn	
	Xóm Dài	
	Xóm Má 1	
	Xóm Má 2	
	Xóm Tiến Lâm	
2	**Xã Bình Thanh**	
	Xóm Cáp	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Xóm Tráng	
3	**Xã Tây Phong**	
	Xóm Nếp	
	Xóm Chao Khạ	
VII	**Huyện Lạc Thuỷ**	
1	**Xã Hưng Thi**	
	Thôn Niếng	
	Thôn Thơi	
	Thôn Cui	
	Thôn Voi	
2	**Xã Thống Nhất**	
	Thôn Tân Thành	
	Thôn Minh Thành	
	Thôn Hợp Thành	
	Thôn Vôn	
	Thôn Cú Đẻ	
3	**Xã Phú Thành**	
	Thôn Đồng Danh	
	Thôn Tân Lâm	
	Thôn Lũ	
	Thôn Chùa	
4	**TT. Ba Hàng Đồi**	
	Thôn Lộng	
	Thôn Đệt	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH THANH HÓA
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 186 thôn	
I	**HUYỆN QUAN SƠN**	
1	**Xã Sơn Điện**	
	Bản Xa Mang	
	Bản Xuân Sơn	
2	**Xã Tam Thanh**	
	Bản Pa	
	Bản Mò	
3	**Thị trấn Sơn Lư**	
	Khu 1	
	Bản Hao	
	Bản Bìn	
4	**Xã Trung Thượng**	
	Bản Khạn	
5	**Xã Trung Tiến**	
	Bản Cum	
II	**HUYỆN QUAN HÓA**	
1	**Thị trấn Hồi Xuân**	
	Khu Mướp	
	Khu Cốc	
2	**Xã Phú Xuân**	
	Bản Bá	
	Bản Phé	
	Bản Vui	
	Bản Giá	
3	**Xã Phú Sơn**	
	Bản Khoa	
	Bản Suối Tôn	
4	**Xã Phú Thanh**	
	Bản Chăng	
	Bản Uôn	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
5	**Xã Thành Sơn**	
	Bản Bước	
	Bản Pu	
	Bản Bai	
	Bản Tân Hương	
	Bản Thành Tân	
6	**Xã Trung Thành**	
	Bản Tang	
	Bản Sạy	
	Bản Buốc Hiềng	
7	**Xã Trung Sơn**	
	Bản Chiềng	
	Bản Pạo	
	Bản Pượn	
	Bản Bó	
8	**Xã Nam Xuân**	
	Bản Đun Pù	
9	**Xã Nam Tiến**	
	Bản Cua	
	Bản Cụm	
	Bản Cốc 3	
10	**Xã Nam Động**	
	Bản Nót	
	Bản Bâu	
	Bản Khương Làng	
11	**Xã Hiền Chung**	
	Bản Yên	
	Bản Pheo	
	Bản Bó	
12	**Xã Thiên Phủ**	
	Bản Lớt Dồi	
	Bản Háng	
13	**Xã Hiền Kiệt**	
	Bản Ho	
	Bản Cháo	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
III	**HUYỆN BÁ THƯỚC**	
1	**Xã Kỳ Tân**	
	Thôn Pặt	
	Thôn Bo Hạ	
	Thôn Bo Thượng	
2	**Xã Thiết Kế**	
	Thôn Kế	
3	**Xã Thiết Ống**	
	Thôn Sặng	
	Thôn Thành Công	
	Thôn Thiết Giang	
	Thôn Cốc	
4	**Xã Ban Công**	
	Thôn Cả	
	Xã Thành Lâm	
	Thôn Tân Thành	
	Thôn Leo	
	Thôn Bầm	
5	**Xã Lũng Niêm**	
	Thôn Bồng	
6	**Xã Cổ Lũng**	
	Thôn Khuyn	
	Thôn Eo Điếu	
7	**Xã Hạ Trung**	
	Thôn Man Môn	
	Thôn Khiêng	
	Thôn Tré	
8	**Xã Ái Thượng**	
	Thôn Cón	
	Thôn Mé	
	Thôn Tôm	
9	**Xã Điền Quang**	
	Thôn Un	
	Thôn Đồi Muốn	
	Thôn Khước Luyện	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
10	**Xã Điền Thượng**	
	Thôn Thượng Sơn	
	Thôn Chiềng Má	
11	**Xã Lương Trung**	
	Thôn Trung Thành	
	Thôn Phú Sơn	
	Thôn Chòm Mốt	
	Thôn Trung Sơn	
12	**Xã Văn Nho**	
	Thôn Tổ Lè	
	Thôn Xà Luốc	
	Thôn Chiềng Mới	
	Thôn Cha Kỷ	
	Thôn Kẻo Hiềng	
	Thôn Chiềng Ấm	
13	**Xã Lũng Cao**	
	Thôn Pốn Thành Công	
	Thôn Cao Hoong	
	Thôn Kịt	
14	**Xã Điền Hạ**	
	Thôn Sèo	
	Thôn Xăm	
	Thành Điền	
	Thôn Đớn	
	Thôn Nan	
15	**Xã Lương Ngoại**	
	Thôn Cốc Cáo	
	Thôn Thôn Đạo	
	Thôn Công	
IV	**HUYỆN LANG CHÁNH**	
1	**TT Lang Chánh**	
	Thôn Oi	
2	**Xã Tam Văn**	
	Thôn Lót	
3	**Xã Tân Phúc**	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Chạc Rạnh	
	Thôn Tân Bình	
4	**Xã Giao Thiện**	
	Thôn Húng	
	Thôn Chiềng Lằn	
5	**Xã Đồng Lương**	
	Thôn Thung	
6	**Xã Lâm Phú**	
	Thôn Tiên	
	Thôn Ngày	
	Thôn Buốc	
	Thôn Nà Đang	
7	**Xã Yên Thắng**	
	Thôn Peo	
	Thôn Cơn	
	Thôn Vịn	
V	**H. NGỌC LẶC**	
1	**Xã Nguyệt Ấn**	
	Làng Pheo	
	Làng Mót	
	Thôn Nguyệt Thịnh	
2	**Xã Minh Sơn**	
	Thôn Minh Nguyên	
3	**Xã Minh Tiến**	
	Thôn Thành Phong	
4	**Xã Vân Am**	
	Thôn Âm	
	Thôn Thuận Bà	
	Thôn Giỏi	
	Thôn Mết	
5	**Xã Thạch Lập**	
	Làng Đô Sơn	
	Làng Đô Quăn	
VI	**HUYỆN THƯỜNG XUÂN**	
1	**Xã Yên Nhân**	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Na Nghịu	
2	**TT.Thường Xuân**	
	Thôn Tiến Sơn 2	
3	**Xã Tân Thành**	
	Thành Lợp	
4	**Xã Xuân Thắng**	
	Thôn Xương	
	Thôn Én	
5	**Xã Xuân Lẹ**	
	Thôn Liên Sơn	
	Thôn Đuông Bai	
6	**Xã Bát Mọt**	
	Thôn Đục	
	Thôn Ruộng	
	Thôn Dưn	
7	**Xã Xuân Lộc**	
	Thôn Vành	
	Thôn Quẻ	
8	**Xã Xuân Chinh**	
	Thôn Tú ạc	
	Thôn Giang	
	Thôn Xeo	
VII	**HUYỆN NHƯ XUÂN**	
1	**Xã Bình Lương**	
	Thôn Làng Mài	
2	**Xã Tân Bình**	
	Tân Sơn	
3	**Xã Cát Tân**	
	Thôn Cát Thịnh	
4	**Xã Xuân Hòa**	
	Thôn Đồng Trình	
5	**Xã Thanh Xuân**	
	Thanh Đồng	
	Đồng Phống	
	Thanh Thủy	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thanh Bình	
	Thanh Tiến	
VIII	**HUYỆN NHƯ THANH**	
1	**Xã Cán Khê**	
	Bản 5	
	Bản 6	
	Bản Chanh	
2	**Xã Xuân Khang**	
	Phượng Xuân	
3	**Xã Xuân Phúc**	
	Tiên Thắng	
4	**Xã Phượng Nghi**	
	Thôn Bãi Hưng	
	Thôn Khe Xanh	
	Thôn Đồng Phông	
5	**Xã Thanh Tân**	
	Thôn Đồng Lấm	
	Thôn Tân Vinh	
	Thôn Thanh Vinh	
	Thôn Thanh Quang	
	Thôn Tân Quang	
	Thôn Bò Lăn	
	Thôn Khe Cát	
	Thôn Tân Mỹ	
	Thôn Phú Quý	
	Thôn Hợp Tiến	
	Thôn Tân Hùng	
IX	**HUYỆN THẠCH THÀNH**	
1	**Xã Thạch Lâm**	
	Thôn Nội Thành	
	Thôn Đồi	
	Thôn Biện	
2	**Xã Thạch Tượng**	
	Thôn Tượng Sơn	
	Thôn Tượng Liên 1	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn Tượng Liên	
3	**Xã Thạch Quảng**	
	Thôn Đồng Thóc	
4	**Xã Thành Công**	
	Thôn Bông Bụt	
5	**Xã Thành Mỹ**	
	Thôn Đồng Luật	
	Thôn Lệ Cẩm 2	
6	**Xã Thành Minh**	
	Thôn Đầm Hương	
	Thôn Nghẹn	
	Thôn Mặc Hèo	
	Thôn Luông	
	Thôn Mục Long	
7	**Xã Thành Tân**	
	Thôn Đồng Phú	
8	**Xã Thành Vinh**	
	Thôn Mỹ Lợi	
9	**Xã Thành Yên**	
	Thôn Thành Tân	
	Thôn Thành Trung	
	Thôn Yên Sơn 2	
	Thôn Đồng Thành	
X	**HUYỆN TRIỆU SƠN**	
1	**Xã Thọ Bình**	
	Làng Mốc (Thôn 2)	
	Cống Chùa (Thôn 6)	
	Xuân Thắng (Thôn 14)	
	Thôn 5	
XI	**THỊ XÃ NGHI SƠN**	
1	**Xã Tân Trường**	
	Thôn Đồng Lách	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH NGHỆ AN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 38 thôn	
I	**Huyện Kỳ Sơn**	
1	**Xã Hữu Kiệm**	
	Bản Huồi Thợ	
	Bản Đỉnh Sơn 1	
II	**Huyện Tương Dương**	
1	**Xã Tam Quang**	
	Bản Tân Hương	
	Bản Tùng Hương	
2	**Xã Xá Lượng**	
	Bản Na Bè	
III	**Huyện Con Cuông**	
1	**Xã Yên Khê**	
	Bản Trung Chính	
IV	**Huyện Anh Sơn**	
1	**Xã Thọ Sơn**	
	Bản Đông Thọ	
	Bản Tổ 4	
2	**Xã Phúc Sơn**	
	Thôn Kim Tiến	
	Bản Cao Vều 1	
	Bản Cao Vều 2	
	Bản Cao Vều 3	
	Bản Cao Vều 4	
V	**Huyện Tân Kỳ**	
1	**Xã Hương Sơn**	
	Xóm Tân Sơn	
VI	**Huyện Quế Phong**	
1	**Thị trấn Kim Sơn**	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Khối Bản Bon	
2	**Xã Mường Nọc**	
	Bản Hạ Sơn	
	Bản Thanh phong 2	
VII	**Huyện Quỳ Châu**	
1	**Xã Châu Bính**	
	Bản Nông Trang	
VIII	**Huyện Quỳ Hợp**	
1	**Xã Đồng Hợp**	
	Xóm Đồng Chiềng	
	Xóm Bản Mát	
2	**Xã Thọ Hợp**	
	Xóm Cốc Mẳm	
3	**Xã Tam Hợp**	
	Xóm Đồng Chạo	
4	**Xã Minh Hợp**	
	Xóm Minh Tiến	
5	**Xã Nghĩa Xuân**	
	Xóm Mo Mới	
	Xóm Mó	
6	**Xã Châu Quang**	
	Xóm Bản Ạng	
	Xóm Bản Cà	
	Xóm Yên Luốm	
IX	**Huyện Nghĩa Đàn**	
1	**Xã Nghĩa Mai**	
	Làng Mai Thái	
	Làng Dàn	
	Làng Bái	
2	**Xã Nghĩa Lạc**	
	Xóm Mồn	
	Xóm Gày	
3	**Xã Nghĩa Thọ**	
	Xóm Trống	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
4	**Xã Nghĩa Lợi**	
	Xóm Tân Cay	
5	**Xã Nghĩa Đức**	
	Xóm Nung	
	Xóm Ráng	
X	**Huyện Quỳnh Lưu**	
1	**Xã Quỳnh Thắng**	
	Bản Trung Tiến	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH HÀ TĨNH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 933 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 2 thôn	
I	**Huyện Hương Khê**	
1	**Xã Hương Liên**	
	Bản Rào Tre	
2	**Hương Vĩnh**	
	Thôn Bản Giàng	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG BÌNH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 933 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	TÊN HUYỆN, XÃ, THÔN	Ghi chú
	Tổng cộng: 7 thôn	
I	**HUYỆN MINH HÓA**	
1	**Xã Hóa Tiến**	
	Thôn Yên Vân	
II	**HUYỆN QUẢNG NINH**	
1	**Xã Trường Xuân**	
	Bản Khe Dây	
	Bản Khe Ngang	
	Bản Lâm Ninh	
	Bản Hang Chuồn-Nà Lâm	
III	**HUYỆN BỐ TRẠCH**	
1	***TT NT Việt Trung***	
	Bản Rào Con	
2	***TT Phong Nha***	
	Bản Khe Ngát	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG TRỊ
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 16 thôn	
I	**Huyện Hướng Hóa**	
1	**Khe Sanh**	
	Khối 6	
2	**Lao Bảo**	
	Ka Túp	
	Ka Tăng	
	Khe Đá	
3	**Tân Hợp**	
	Tà Đủ	
4	**Tân Lập**	
	Bản Bù	
	Bản Cồn	
	Bản Làng Vây	
5	**Tân Long**	
	Xi Núc	
	Làng Vây	
6	**Tân Thành**	
	Hà Lệt	
II	**Huyện Đakrông**	
3	**Xã Ba Lòng**	
	Mai Sơn	
	Thôn 5	
III	**Cam Lộ**	
1	**Cam Tuyền**	
	Bản Chùa	
IV	**Huyện Vĩnh Linh**	
1	**Xã Vĩnh Hà**	
	Thôn Khe Hó Trù	
	Thôn Bãi Hà Mới	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH PHÚ YÊN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

STT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 10 thôn	
I	**ĐỒNG XUÂN**	
1	**Xã Đa Lộc**	
	Thôn 1	
	Thôn 5	
2	**Xã Xuân Quang 1**	
	Thôn Suối Cối 2	
	Thôn Phú Tâm	
3	**Xã Xuân Quang 2**	
	Thôn Kỳ Đu	
II	**SÔNG HINH**	
1	**Thị trấn Hai Riêng**	
	Buôn Thô	
	Buôn Hai Riêng	
2	**Xã Ea Bia**	
	Buôn Nhum	
III	**SƠN HÒA**	
1	**Xã Sơn Hà**	
	Thôn Dốc Cát	
IV	**TÂY HÒA**	
1	**Xã Sơn Thành Tây**	
	Thôn Lạc Đạo	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH KHÁNH HÒA
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 10 thôn	
I	**Huyện Khánh Vĩnh**	
1	**TT Khánh Vĩnh**	
	Tổ dân phố số 3	
	Tổ dân phố số 5	
2	**Xã Khánh Đông**	
	Thôn Suối Thơm	
II	**Huyện Cam Lâm**	
1	**Xã Suối Cát**	
	Thôn Suối Lau 3	
2	**Xã Cam Phước Tây**	
	Thôn Văn Sơn	
III	**Huyện Diên Khánh**	
1	**Xã Suối Tiên**	
	Thôn Lỗ Gia	
2	**Xã Diên Tân**	
	Thôn Đá Mài	
IV	**Thị xã Ninh Hòa**	
1	**Xã Ninh Tây**	
	Thôn Sông Búng	
	Thôn Buôn Sim	
	Thôn Suối Mít	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BÌNH THUẬN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 10 thôn	
I	**Huyện Bắc Bình**	
1	**Xã Phan Tiến**	
	Thôn Tiến Thành	
II	**Huyện Hàm Thuận Bắc**	
1	**Xã Đông Giang**	
	Thôn 2	
2	**Xã Đông Tiến**	
	Thôn 2	
3	**Xã Thuận Hòa**	
	Thôn Dân Hiệp	
III	**Huyện Tánh Linh**	
1	**Xã Măng Tố**	
	Thôn 1	
2	**Xã Gia Huynh**	
	Thôn 4	
3	**Xã Suối Kiết**	
	Thôn 2	
4	**Xã Đức Bình**	
	Thôn 4	
5	**Thị Trấn Lạc Tánh**	
	Khu phố Trà Cụ	
	Khu phố Tân Thành	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH NINH THUẬN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

STT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 10 thôn	
I	**Huyện Ninh Sơn**	
1	**Xã Quảng Sơn**	
	Thôn Lương Giang	
2	**Xã Nhơn Sơn**	
	Thôn Núi Ngỗng	
	Thôn Láng Ngựa	
3	**Xã Hòa Sơn**	
	Thôn Tân Định	
II	**Huyện Ninh Hải**	
1	**Xã Vĩnh Hải**	
	Thôn Đá Hang	
III	**Huyên Ninh Phước**	
1	**Xã Phước Thái**	
	Thôn Tà Dương	
2	**Xã Phước Vinh**	
	Thôn Liên Sơn 2	
IV	**Huyện Thuận Bắc**	
1	**Xã Lợi Hải**	
	Thôn Suối Đá	
	Thôn Kiền Kiền 2	
2	**Xã Công Hải**	
	Thôn Suối Vang	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH KON TUM
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 933 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 41 thôn	
I	**Huyện Đăk Hà**	
1	**Xã Đăk Ui**	
	Thôn Kon Pông	
	Thôn Kon Tu	
	Thôn Wang Hra	
	Thôn Mnhuô Mriang	
	Thôn Kon Rngâng	
2	**Xã Đăk La**	
	Thôn 8 (Kon Trang Mơ Nây)	
	Thôn 10 (Đăk Rơ Chót)	
3	**Xã Đăk Ngọk**	
	Thôn Đăk Kđem	
4	**Thị trấn Đăk Hà**	
	Thôn Kon Trang Long Loi	
II	**Huyện Kon Rẫy**	
1	**Xã Tân Lập**	
	Thôn 5	
	Thôn 6	
2	**Xã Đăk Ruồng**	
	Thôn 10	
	Thôn 11	
3	**Xã Đăk Tơ Lung**	
	Thôn 1 (Kon Lỗ)	
	Thôn 2 (Kon Long)	
	Thôn 3 (Kon Bi)	
	Thôn 4 (Kon Mong Tu)	
III	**Thành phố Kon Tum**	
1	**Phường Ngô Mây**	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Plei Trum Đăk Choăch	
2	**Xã Hoà Bình**	
	Thôn Đak Krăk	
3	**Xã Chư Hreng**	
	Thôn Kon hra Ktu	
4	**Xã Đăk Blà**	
	Thôn Kon Jri Xút	
	Thôn Kon Jơ Drẻh Plơng	
	Thôn Kon Rơ Lang	
	Thôn Kon Jơ Dreh	
	Thôn Kon Drei	
	Thôn Kon Gur	
5	**Xã Kroong**	
	Thôn Kroong Ktu	
	Thôn Kroong Klah	
6	**Xã Đăk Rơ Wa**	
	Thôn Kon Kơ Tu	
	Thôn Kon Tum Kơ Nâm (Kon Tum Kơ Nâm Htô)	
IV	**Huyện Sa Thầy**	
1	**Thị trấn Sa Thầy**	
	Làng KLeng	
	Làng KĐừ	
	Làng Chốt	
2	**Xã Sa Nghĩa**	
	Thôn Đăk Tân	
V	**Huyện Kon Plông**	
1	**Thị trấn Măng Đen**	
	Kon Chốt	
2	**Xã Măng Cành**	
	Kon Du	
	Măng Cành	
VI	**Huyện Ngọc Hồi**	
1	**Xã Sa Loong**	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Giang Lố II	
	Bun Ngai	
VII	**Huyện Đăk Tô**	
1	**Xã Kon Đào**	
	Thôn Kon Đào	
VIII	**Huyện Đăk Glei**	
1	**Xã Đăk Pék**	
	Thôn Đăk Nớ	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

STT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 5 thôn	
I	**Huyện A Lưới**	
1	**Xã Hồng Thượng**	
	Thôn A Xáp	
	Thôn A Đên	
II	**Thị xã Hương Trà**	
1	**Xã Bình Thành**	
	Thôn Bồ Hòn	
2	**Xã Bình Tiến**	
	Thôn 5	
III	**Huyện Phú Lộc**	
1	**Xã Xuân Lộc**	
	Bản Phúc Lộc	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NAM
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 19 thôn	
I	**Phước Sơn**	
1	**TT. Khâm Đức**	
	Tổ Dân phố Số 1	
2	**Phước Xuân**	
	Nước Lang	
II	**Nam Giang**	
1	**TT Thạnh Mỹ**	
	Thôn Hoa	
	Pà Dấu I	
	Pà Dấu II	
	Thôn Mực	
	Đồng Râm	
	Thôn Dung	
	Hà Ra	
III	**Tây Giang**	
1	**Lăng**	
	Thôn Tà'ri	
2	**Anông**	
	Thôn Z'rượt	
3	**Atiêng**	
	Thôn Achiing	
	Thôn Ta Vang	
	Thôn Ra'bhướp	
IV	**Bắc Trà My**	
1	**Trà Tân**	
	Thôn 1	
V	**Nam Trà My**	
1	**Trà Mai**	
	Thôn 4	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
VI	**Đông Giang**	
1	**Xã Ba**	
	Đha Mi	
VII	**Tiên Phước**	
1	**Tiên Lập**	
	Thôn 1	
VIII	**Đại Lộc**	
1	**Đại Hưng**	
	Yều	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 6 thôn	
I	**Huyện Ba Tơ**	
1	**Thị trấn Ba Tơ**	
	TDP Kon Dung	
	TDP Uy Năng	
2	**Xã Ba Vì**	
	Thôn Nước Xuyên	
II	**Huyện Sơn Hà**	
1	**Thị trấn Di Lăng**	
	TDP Nước Nia	
III	**Huyện Nghĩa Hành**	
1	**Xã Hành Tín Tây**	
	Trũng Kè 1	
	Trũng Kè 2	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BÌNH ĐỊNH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 933 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 7 thôn	
I	**Huyện Vĩnh Thạnh**	
1	**Xã Vĩnh Hảo**	
	Thôn Tà Điệk	
2	**Xã Vĩnh Thịnh**	
	Thôn M2	
	Thôn M3	
3	**Thị trấn Vĩnh Thạnh**	
	Khu phố Kon Kring	
	Khu phố Klot Pok	
II	**Huyện Tây Sơn**	
1	**Xã Tây Xuân**	
	Thôn Đồng Sim	
III	**Huyện An Lão**	
1	**Xã An Tân**	
	Thôn Gò Đồn	



DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH GIA LAI
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 203 thôn	
I	**Thị xã An Khê**	
1	**Xã Tú An**	
	Làng Nhoi	
	Làng Pờ Nang	
	Làng Hòa Bình	
II	**Huyện Chư Păh**	
1	**Xã Ia Khươl**	
	Làng Rơ Vai	
	Làng Tơ Vơn 2	
	Làng Tơ Ver	
	Làng Klên	
2	**Xã Ia Phí**	
	Làng Yút	
	Làng Kênh	
	Làng Tum	
	Làng Prép	
3	**Thị trấn Ia Ly**	
	Làng Mun	
4	**Xã Ia Mơ Nông**	
	Làng Amơng	
5	**Xã Ia Ka**	
	Làng Bui	
	Làng Bluk Blui	
III	**Huyện Chư Pưh**	
1	**Xã Ia Hla**	
	Thôn Tông Kek	
	Thôn Dư Keo	
	Làng Mung	
2	**Thị trấn Nhơn Hòa**	
	Làng Plei Lao	
	Làng Thông A	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
3	**Xã Ia Hrú**	
	Thôn Luh Ngó	
	Thôn Thông B	
4	**Xã Ia Phang**	
	Làng Phung	
5	**Xã Ia Le**	
	Thôn Ia Bia	
	Làng Phung	
6	**Xã Ia Blứ**	
	Làng Kuăi	
IV	**Huyện Chư Prông**	
1	**Xã Ia Kly**	
	Làng Thung	
	Làng Pó	
2	**Xã Ia Púch**	
	Làng Goòng	
	Làng Bih	
3	**Xã Ia Vê**	
	Làng Aneh	
	Làng Hlang Ngol	
	Làng Ó	
	Làng Doách	
	Làng Siu	
4	**Xã Bình Giáo**	
	Làng Mui	
	Làng Kành	
	Làng Bàng	
	Làng Đê	
5	**Xã Ia Bang**	
	Làng Bang Ngol	
	Làng Nét	
	Làng Mút Thong	
6	**Xã Ia Boòng**	
	Làng Khơr	
7	**Xã Ia Drang**	
	Làng Xung Beng	
	Làng Ó	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
8	**Xã Ia Ga**	
	Làng Tu 1	
	Làng Tu 2	
	Làng Khôi	
9	**Xã Ia Lâu**	
	Làng Tu	
	Làng Đút	
10	**Xã Ia Mơr**	
	Làng Krông	
	Làng Klãh	
	Làng Khôi	
11	**Xã Ia Tôr**	
	Làng Hle Ngol	
	Làng Blu	
12	**Xã Ia Piơr**	
	Thôn Piơr 2	
	Thôn Piơr 1	
	Làng Phung	
13	**Xã Thăng Hưng**	
	Thôn 5	
	Thôn 6	
14	**Xã Ia Pia**	
	Làng Hle	
15	**Xã Ia O**	
	Làng La	
	Làng Kro	
16	**Xã Ia Me**	
	Làng Quen	
	Làng Xom	
V	**Huyện Chư Sê**	
1	**Xã Ia Ko**	
	Làng Vel	
	Làng Sur A	
2	**Xã Al Bă**	
	Làng Ia Doa	
3	**Xã Ia Blang**	
	Làng Mung Hlú	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
VI	**Huyện Đak Đoa**	
1	**Xã Trang**	
	Làng Kol	
	Làng Kồ	
2	**Xã Kon Gang**	
	Làng Dung Rơ	
	Làng Krái	
	Làng Klót	
3	**Xã Ia Pết**	
	Thôn Ngơm Thung	
	Thôn Bia Bre	
	Thôn Alphun	
	Thôn Alroh	
	Thôn Bronggoai	
4	**Thị trấn Đak Đoa**	
	Thôn Ngol	
5	**Xã Hnol**	
	Làng Hlang	
	Thôn Botgrek	
VII	**Huyện Đak Pơ**	
1	**Xã An Thành**	
	Làng Bút	
	Làng Kuk Kôn	
	Làng Kuk Đak	
2	**Xã Yang Bắc**	
	Làng Kleo Ktu	
	Làng Kruối Chai	
	Làng Klăh Môn	
	Làng Jro Ktu Đak Yang	
	Làng Krong Hra	
3	**Thị trấn Đak Pơ**	
	Làng Leng Tô	
	Làng Gliék	
	Làng Hven	
VIII	**Huyện Đức Cơ**	
1	**Xã Ia Kla**	
	Làng Sung Le Kắt	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Làng Sung Le Tung	
	Làng Sung Kép	
2	**Xã Ia Dơk**	
	Làng Dơk Lăh	
	Làng Dơk Ngol	
	Làng Sung	
	Làng Lang	
	Làng Đo	
	Làng Ghè	
3	**Xã Ia Pnôn**	
	Làng Bua	
	Làng Triêl	
	Làng Ba	
4	**Xã Ia Kriêng**	
	Làng Ấp	
	Làng Hrang	
	Làng Grôn	
	Làng Krai	
	Làng Pơ Nuk	
5	**Xã Ia Krêl**	
	Làng Ngo Le	
	Làng Krol	
	Làng Khóp	
	Làng Ngol Rông	
6	**Xã Ia Din**	
	Làng Yít Rông 2	
	Làng Al Gôn	
	Làng Nèh	
	Làng Yit Tú	
7	**Xã Ia Nan**	
	Làng Tung	
IX	**Huyện Ia Pa**	
1	**Xã Kim Tân**	
	Thôn Mơ Năng 2	
	Thôn Blôm	
2	**Xã Ia Trok**	
	Plơi Rngôl	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Bôn Thăm	
	Bôn Trôk	
	Bôn Tông Se	
3	**Xã Chư Mố**	
	Plơi Apa Ama Lim	
	Plơi Apa Ơi H'Briu	
X	**Huyện Ia Grai**	
1	**Xã Ia Chía**	
	Làng Tang	
2	**Xã Ia Tô**	
	Làng Te	
3	**Xã Ia Khai**	
	Làng Yom	
4	**Xã Ia Bă**	
	Làng Dun De	
5	**Xã Ia Krăi**	
	Làng Myah	
6	**Thị trấn Ia Kha**	
	Làng Kép	
	Làng Yam	
XI	**Huyện Kbang**	
1	**Xã Krong**	
	Làng Hro	
	Làng Pngăl	
	Làng Tung Gút	
	Làng Tăng Lăng	
	Lang Klư	
	Làng Sơ Lam	
	Làng Klếch	
2	**Xã Đăk Smar**	
	Làng Krối	
3	**Xã Lơ Ku**	
	Làng Chợch	
	Làng Bôn	
	Làng Lơ Vi	
	Làng Kbông	
	Làng Tăng	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
4	**Xã Kông Lơng Khơng**	
	Làng Mơhven-Ôr	
	Làng Bờ-Chư Pâu	
	Làng Dơng	
	Làng Mơ Tôn	
	Làng Mơhra-Đáp	
5	**Xã Kông Bờ La**	
	Làng Lợt	
	Thôn 3	
	Làng Briêng	
6	**Xã Kon Pne**	
	Làng Kon Hleng	
7	**Xã Sơ Pai**	
	Làng Buôn Lưới	
	Làng Tơ Kơr	
8	**Xã Tơ Tung**	
	Làng Kuk Tung	
9	**Thị trấn Kbang**	
	Làng Nak	
	Làng Chiêng	
	Làng Chre	
	Làng Hợp	
	Làng Groi	
	Làng Htăng	
XII	**Huyện Kông Chro**	
1	**Thị trấn Kông Chro**	
	TDP Plei Nghe	
	TDP Plei Dơng	
2	**Xã Yang Trung**	
	Làng Tnang	
3	**Xã Kong Yang**	
	Làng Hưnh Đăk	
	Làng Hưnh Dơng	
	Làng Bà Bã	
4	**Xã An Trung**	
	Làng Pơbah Ktu	
	Làng Ó	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Làng S'Kiết	
XIII	**Huyện Krông Pa**	
1	**Xã Chư Gu**	
	Buôn Tơ Nia	
	Buôn Chư Bang	
	Thôn Tập Đoàn 4+5 (Buôn Ma Rok)	
2	**Xã Uar**	
	Buôn Tieng	
	Buôn Ngôl	
	Buôn Choanh	
XIV	**Huyện Mang Yang**	
1	**Xã H'ra**	
	Làng Kret Krot	
	Làng Kon Hoa	
	Làng Kon Ch'rah	
	Làng Đê Kôn	
	Làng Bok Ayơl	
	Làng Kdung	
2	**Xã Kon Thụp**	
	Làng Đăk Pơ Nan	
	Làng Dơ Nâu	
	Làng Đăk Trang	
	Làng Pơ Nang	
3	**Xã Đak Ta Ley**	
	Làng Ch'rơng I	
	Làng Đăk Dwe	
4	**Xã Ayun**	
	Làng Plei Atur	
	Làng Hier	
5	**Xã Đăk Djrăng**	
	Làng Đê Tur	
XV	**Huyện Phú Thiện**	
1	**Xã Chrôh Pơnan**	
	Thôn Sôma Lơng A	
	Thôn Sôma Lơng B	
2	**Xã Ia Hiao**	
	Bôn Ling	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
3	**Xã Ia Piar**	
	Plei Gok	
	Thôn Mnai Trang	
4	**Xã Ia Ake**	
	Thôn Plei Mun Măk	
5	**Xã Ayun Hạ**	
	Thôn Plei Ơi	
	Thôn Plei Ring Đáp	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH ĐẮK LẮK
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 84 thôn	
I	**Huyện Cư Mgar**	
1	**Xã Ea Kuêh**	
	Buôn Hlúk	
	Buôn Xê Đăng	
2	**Xã Ea M'droh**	
	Thôn Đồng Giao	
3	**Xã Ea Kiết**	
	Buôn Hmông	
II	**Huyện Ea H'leo**	
1	**Xã Ea Sol**	
	Buôn Kry	
	Buôn Chăm	
2	**Xã Ea Hiao**	
	Thôn 7C	
	Buôn Krái	
3	**Xã Ea Răl**	
	Buôn Tung Xê	
	Buôn Tung Tăh	
4	**Xã Ea Khăl**	
	Thôn 13	
	Thôn 14	
5	**Xã Ea Nam**	
	Thôn 8	
6	**Xã Ea Wy**	
	Thôn 1c	
III	**Huyện Ea Kar**	
1	**Xã Ea Ô**	
	Thôn 2C	
2	**Xã Cư Ni**	
	Buôn Ea Ga	
	Buôn Ea Knuốp	
3	**Xã Cư Huê**	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Buôn M'Hăng	
	Buôn M'ar	
4	**Xã Ea Păl**	
	Thôn 6B	
IV	**Huyện Krông Ana**	
1	**Thị trấn Buôn Trấp**	
	Buôn Trấp	
	Buôn Rung	
	Buôn ÊCăm	
2	**Xã Ea Bông**	
	Buôn Nắc	
	Buôn Dhăm	
	Buôn Hma	
	Buôn Riăng	
	Buôn Knul	
3	**Xã Dur Kmăl**	
	Buôn Dur1	
4	**Xã Ea Na**	
	Buôn Tơ Lơ	
	Buôn Cuăh	
V	**Huyện Krông Bông**	
1	**Xã Hòa Sơn**	
	Buôn Ja	
VI	**Huyện Krông Búk**	
1	**Xã Pơng Drang**	
	Buôn Tâng Mai	
2	**Xã Cư Pơng**	
	Buôn Khal	
	Buôn Kđoh	
	Buôn Ea Túk	
	Buôn Cư Hiăm	
3	**Xã Cư Né**	
	Buôn Ea Zin	
	Buôn Mùi 1	
	Buôn Mùi 2	
	Buôn Kô	
	Buôn Kdrô 1	
	Buôn Kdrô 2	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Buôn Kmu	
4	**Xã Chứ Kbô**	
	Buôn Ea Nho	
VII	**Huyện Cư Kuin**	
1	**Xã Ea Ning**	
	B. Pưk Prông	
2	**Xã Cư Êwi**	
	Buôn Tăc Mnga	
3	**Xã Hòa Hiệp**	
	Buôn Cư Knao	
4	**Xã Ea Tiêu**	
	Buôn Knir	
VIII	**Huyện Krông Pắc**	
1	**Xã Êa Uy**	
	Buôn hàng 1c	
	Đăkrơ Leang 1	
	Buôn Hàng 1a	
2	**Xã Tân Tiến**	
	Buôn Kplang	
	Buôn Eadrai	
	Buôn Eadrai A	
3	**Ea Phê**	
	Buôn Ea Su	
4	**Xã Krông Búk**	
	Buôn Ea Oh	
	Buôn Mbê	
IX	**Huyện Lắk**	
1	**Thị trấn Liên Sơn**	
	Buôn Lê	
	Buôn Jun	
	Buôn Dơng Kriêng	
2	**Buôn Tría**	
	Buôn Tría	
X	**Huyện M'Drắk**	
1	**Xã EaLai**	
	Buôn CưPrao	
2	**Xã EaPil**	
	Thôn 1	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Thôn 5	
	Thôn 8	
	Thôn 14	
XI	**Thị xã Buôn Hồ**	
1	**Xã Ea Drông**	
	Buôn Ea Kjoh A	
	Thôn 8	
2	**Xã Ea Siên**	
	Thôn 2A	
	Thôn 6A	
	Buôn Dlung 2	
XII	**Huyện Krông Năng**	
1	**Xã Dliêya**	
	Buôn Kmang	
	Buôn Yoh	
	Buôn Yun	
	Buôn Ea Dua	
	Buôn Juk	
	Thôn Tân Hiệp	
	Thôn Ea Lê	
	Buôn Tleh	
	Buôn Dliêya A	
	Thôn Ea Tu	
2	**Xã Ea Tam**	
	Buôn Trăp	
3	**Xã Tam Giang**	
	Thôn Giang Thọ	



DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH ĐẮK NÔNG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 40 thôn	
I	**Huyện Tuy Đức**	
1	***Xã ĐắkBukSo***	
	Thôn 9	
	Bon Bu Boong	
	Bon Bu Ndrung	
II	**Huyện Đắk R'Lấp**	
1	***Xã Quảng Tín***	
	Bon Đăng K' Liêng	
2	***Xã Hưng Bình***	
	Bon Châu Mạ	
3	***Xã Nhân Đạo***	
	Bon PiNao	
4	***Xã Đắk Ru***	
	Bon Sê Rê 2	
III	**Huyện Đắk Mil**	
1	***Xã Đắk Gằn***	
	Bon Đắk Láp	
2	***Xã Đắk Rla***	
	Thôn Năm Tầng	
3	***Đức Minh***	
	Bon Jun Juh	
4	***Xã Đắk Sắk***	
	Bon Đắk Sắk	
	Bon Đắk Mâm	
IV	**Huyện Đắk Song**	
1	***Xã Trường Xuân***	
	Bu Păh	
	N'Jang Bơ	
	Ding Plei	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
2	***Xã Đắk N'Drung***	
	Bon Bu N'Drung	
	Bon N'Djrang Lu	
V	**Huyện Cư Jút**	
1	***Thị Trấn Ea Tling***	
	Bon U1	
2	***Xã Ea Pô***	
	Thôn Nam Tiến	
3	***Xã Đăk Wil***	
	Thôn 9	
4	***Xã Đăk Drông***	
	Bon U	
VI	**Huyện Krông Nô**	
1	***Xã Quảng Phú***	
	Thôn Phú Xuân	
	Thôn Phú Hòa	
	Thôn Phú Sơn	
	Thôn Phú Vinh	
2	***Xã Đắk Nang***	
	Thôn Phú Thịnh	
	Thôn Phú Tiến	
3	***Xã Đức Xuyên***	
	Bon Choih	
4	***Xã Nâm Nđir***	
	Bon Đắk Pri	
5	***Xã Nâm Nung***	
	Bon R Cập	
	Bon Ja Răh	
6	***Xã Nam Xuân***	
	Thôn Đắk Sơn	
	Thôn Sơn Hà	
7	***Xã Nam Đà***	
	Thôn Nam Tân	
8	***Xã Buôn Chóah***	
	Thôn Cao Sơn	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Buôn Choah	
9	***Xã Đắk Drô***	
	Buôn 9	
10	***TT Đắk Mâm***	
	Bon Dru	
	Bon Yôk Rlinh	
	Bon Broih	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH LÂM ĐỒNG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

STT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng: 49 thôn	
I	**HUYỆN ĐỨC TRỌNG**	
1	**Xã Tà Năng**	
	Thôn Klong Bong	
	Thôn Cha Rang Hao	
2	**Xã Đa Quyn**	
	Thôn Ma Bó	
	Thôn Toa Cát	
	Thôn Chơ Rung	
II	**HUYỆN BẢO LÂM**	
1	**Xã Lộc Nam**	
	Thôn 4	
2	**Xã Lộc Thành**	
	Thôn 3	
	Thôn 15	
III	**HUYỆN DI LINH**	
1	**Xã Đ.T. Thượng**	
	Thôn 2	
	Thôn 5	
2	**Xã Bảo Thuận**	
	Thôn Kala Krọt Sớk	
	Thôn Ta Ly	
	Thôn Bảo Tuân	
3	**Xã Sơn Điền**	
	Thôn Jang Par	
	Thôn Ka Liêng	
	Thôn Con Sỏ	
4	**Xã Gia Bắc**	
	Thôn Bộ Bê	
	Thôn Hà Giang	
	Thôn Ka Sá	
	Thôn Nao Sẻ	

IV	**HUYỆN LẠC DƯƠNG**	
1	**Xã Đưng K'Nớ**	
	Thôn Đưng Trang	
	Thôn K'Nớ 2	
	Thôn Lán Tranh	
2	**Xã Lát**	
	Thôn Păng Tiêng I	
3	**Xã Đạ Chais**	
	Thôn Klong Klanh	
V	**HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**	
1	**Xã Lạc Xuân**	
	Thôn Tân Hiên	
2	**Xã Đạ ròn**	
	Thôn Suối thông A 2	
3	**Xã Ka Đô**	
	Thôn Ta ly 1	
4	**Xã P'ró**	
	Thôn P'ró Ngó	
5	**Xã Ka Đơn**	
	Thôn Ka Đơn	
6	**Xã Tu Tra**	
	Thôn Bockabang	
VI	**HUYỆN ĐAM RÔNG**	
5	**Xã Đạ R'sal**	
	Thôn Pang Pế Nâm	
	Thôn Phi Jút	
6	**Xã Phi Liêng**	
	Thôn Dơng Glê	
7	**Xã Đạ K'nàng**	
	Thôn Pul	
VII	**HUYỆN LÂM HÀ**	
1	**Xã Mê Linh**	
	Thực Nghiệm	
	Buôn Chuối	
2	**Xã Tân Thanh**	
	Phi Tô	
	Kon Pang	
	Tân Bình	
	Bằng Sơn	

	Tân Hợp	
3	**Xã Đan Phượng**	
	Tân Lập	
4	**Xã Phú Sơn**	
	Preteing 2	
5	**Xã Đạ Đờn**	
	Đạ Ty	
6	**Xã Phi Tô**	
	RyOngTo	
	Phi Suor	
7	**Xã Tân Văn**	
	Tân Lin	
8	**TT. Đinh Văn**	
	Ryongse	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BÌNH PHƯỚC
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 25 thôn	
I	**HUYỆN BÙ ĐỐP**	
1	**Xã Thanh Hòa**	
	Ấp 5	
	Ấp 8	
2	**Xã Hưng Phước**	
	Ấp Bù Tam	
3	**Xã Phước Thiện**	
	Ấp Điện Ảnh	
	Ấp Mười Mẫu	
4	**Xã Tân Tiến**	
	Ấp Sóc Nê	
II	**HUYỆN BÙ GIA MẬP**	
1	**Xã Phước Minh**	
	Bình Giai	
	Bù Tam	
2	**Xã Bình Thắng**	
	Thôn 9	
3	**Xã Đức Hạnh**	
	Bù Kroai	
III	**HUYỆN LỘC NINH**	
1	**Xã Lộc Hòa**	
	Ấp Suối Thôn	
2	**Xã Lộc Thành**	
	Ấp K Liêu	
	Ấp Tà Tê 1	
	Ấp Lộc Bình 1	
3	**Xã Lộc Khánh**	
	Ấp Ba Ven	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Ấp Chà Đôn	
	Ấp Sóc Lớn	
	Ấp Cần Lê	
IV	**HUYỆN PHÚ RIỀNG**	
5	**Xã Long Tân**	
	Thôn 6	
V	**HUYỆN BÙ ĐĂNG**	
1	**Xã Đăk Nhau**	
	Đak Nung	
	Đak La	
2	**Xã Đăng Hà**	
	Thôn 5	
3	**Xã Đường 10**	
	Thôn 1	
	Thôn 5	
4	**Xã Thống Nhất**	
	Thôn 10	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH TRÀ VINH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 10 thôn	
I	**Huyện Càng Long**	
1	**Xã Bình Phú**	
	Ấp Nguyệt Lãng A	
	Ấp Nguyệt Lãng B	
II	**Huyện Cầu Ngang**	
1	**Xã Kim Hòa**	
	Ấp Giữa	
III	**Huyện Cầu Kè**	
1	**Xã Phong Thạnh**	
	Ấp II	
IV	**Huyện Châu Thành**	
1	**Xã Mỹ Chánh**	
	Ấp Phú Mỹ	
2	**Xã Phước Hảo**	
	Ấp ÔKaĐa	
	Ấp Đa Hòa	
V	**Huyện Trà Cú**	
1	**Xã Kim Sơn**	
	Ấp Trà Cú C	
2	**Xã An Quảng Hữu**	
	Ấp Sóc Tro Dưới	
3	**Xã Tân Hiệp**	
	Ấp Ba Trạch B	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH VĨNH LONG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 4 thôn	
I	**Thị xã Bình Minh**	
1	**Xã Đông Bình**	
	Ấp Phù Ly 1	
	Ấp Phù Ly 2	
2	**Xã Đông Thành**	
	Ấp Hóa Thành 2	
II	**Huyện Tam Bình**	
1	**Xã Loan Mỹ**	
	Ấp Giữa	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH AN GIANG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 10 thôn	
I	**Huyện Tri Tôn**	
1	**Thị trấn Ba Chúc**	
	Khóm An Bình	
2	**Xã Cô Tô**	
	Ấp Tô An	
	Ấp Tô Lợi	
	Ấp Sóc Triết	
II	**Huyện Tịnh Biên**	
1	**Xã An Hảo**	
	Ấp An Lợi	
2	**Xã Vĩnh Trung**	
	Ấp Vĩnh Tây	
	Ấp Vĩnh Tâm	
III	**Huyện An Phú**	
1	**Xã Vĩnh Trường**	
	Ấp La Ma	
2	**Xã Nhơn Hội**	
	Ấp Búng Lớn	
IV	**Huyện Thoại Sơn**	
1	**Thị trấn Óc Eo**	
	Ấp Tân Đông	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH KIÊN GIANG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng số: 10 thôn	
I	**Huyện Hòn Đất**	
1	**Sơn Kiên**	
	Ấp Vàm Răng	
2	**Xã Thổ Sơn**	
	Ấp Hòn Sóc	
II	**Huyện An Biên**	
1	**Xã Đông Thái**	
	Ấp Kinh Làng Đông	
III	**Huyện Châu Thành**	
1	**Xã Bình An**	
	Ấp Xà Xiêm	
2	**Xã Minh Hòa**	
	Ấp Minh Hưng	
	Ấp Hòa Hưng	
3	**Thị trấn Minh Lương**	
	Khu phố Minh Lạc	
IV	**Huyện U Minh Thượng**	
1	**Xã An Minh Bắc**	
	Ấp Kinh Năm	
V	**Huyện Giồng Riềng**	
1	**Xã Bàn Thạch**	
	ấp Giồng Đá	
VI	**Huyện Giang Thành**	
1	**Xã Vĩnh Điều**	
	ấp Tràm Trồi	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH SÓC TRĂNG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 45 thôn	
I	**Thị xã Vĩnh Châu**	
1	**Xã Vĩnh Hải**	
	Ấp Vĩnh Thạnh B	
2	**Xã Vĩnh Tân**	
	Ấp Nô Puôl	
	Ấp Tân Nam	
	Ấp Nô Thum	
3	**Xã Hòa Đông**	
	Ấp Lẫm Thiết	
	Ấp Trà Teo	
	Ấp No Tom	
II	**Thị xã Ngã Năm**	
1	**Xã Vĩnh Quới**	
	Ấp Vĩnh Thuận	
2	**Xã Tân Long**	
	Ấp Long Thành	
III	**Huyện Thạnh Trị**	
1	**Thị trấn Phú Lộc**	
	Ấp Xa Mau 2	
2	**Xã Châu Hưng**	
	Ấp Kinh Ngay 2	
	Ấp Xóm Tro 2	
3	**Xã Thạnh Tân**	
	Ấp B1	
	Ấp A2	
4	**Xã Tuân Tức**	
	Ấp Trung Hòa	
	Ấp Trung Bình	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Ấp Trung Thống	
5	**Xã Lâm Kiết**	
	Ấp Kiết Lợi	
IV	**Huyện Mỹ Xuyên**	
1	**Xã Đại Tâm**	
	Ấp Đại Nghĩa Thắng	
2	**Xã Thạnh Phú**	
	Ấp Sóc Bưng	
3	**Xã Thạnh Quới**	
	Ấp Phú Giao	
V	**Huyện Mỹ Tú**	
1	**Xã Mỹ Thuận**	
	Ấp Tam Sóc A	
	Ấp Tam Sóc B1	
	Ấp Tam Sóc B2	
	Ấp Tam Sóc C1	
VI	**Huyện Châu Thành**	
1	**Xã An Hiệp**	
	Ấp Bưng Tróp A	
2	**Xã Phú Tâm**	
	Ấp Phú Thành A	
	Ấp Phú Bình	
	Ấp Phú Hòa B	
3	**Xã Phú Tân**	
	Ấp Phước Hòa	
	Ấp Phước Quới	
4	**Thị trấn Châu Thành**	
	Ấp Trà Quýt A	
VII	**Huyện Long Phú**	
1	**Xã Tân Hưng**	
	Ấp Tân Lịch	
	Ấp Tân Qui A	
	Ấp Tân Qui B	
	Ấp Ko Kô	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
VIII	**Huyện Trần Đề**	
1	**Thị trấn Lịch Hội Thượng**	
	Ấp Hội Trung	
2	**Xã Đại Ân 2**	
	Ấp Lâm Dồ	
3	**Xã Trung Bình**	
	Ấp Chợ	
	Ấp Bưng Lức	
4	**Xã Viên An**	
	Ấp Bưng Sa	
	Ấp Tiếp Nhựt	
5	**Xã Viên Bình**	
	Ấp Đào Viên	
6	**Xã Thạnh Thới An**	
	Ấp Hưng Thới	
	Ấp Tắc Bướm	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH CÀ MAU
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng cộng: 43 thôn	
I	**HUYỆN U MINH**	
1	**Xã Khánh Hội**	
	Ấp 1	
	Ấp 9	
2	**Xã Khánh Hòa**	
	Ấp 6	
3	**Xã Nguyễn Phích**	
	Ấp 9	
	Ấp 12	
	Ấp 13	
	Ấp 16	
II	**HUYỆN ĐẦM DƠI**	
1	**Xã Nguyễn Huân**	
	Ấp Vàm Đầm	
	Ấp Hiệp Dư	
2	**Xã Tân Thuận**	
	Ấp Đồng Giác	
	Ấp Hoà Hải	
3	**Xã Trần Phán**	
	Ấp Tân Hoà	
	Ấp Bào Giá	
4	**Xã Tân Duyệt**	
	Ấp Đồng Tâm A	
	Ấp Đồng Tâm B	
	Ấp Bá Huê	
5	**Xã Quách Phẩm**	
	Ấp Khai Hoang Vàm	
III	**HUYỆN THỚI BÌNH**	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
1	**Xã Thới Bình**	
	Ấp 11	
2	**Xã Tân Lộc**	
	Ấp 7	
3	**Xã Tân Lộc Bắc**	
	Ấp 7	
4	**Xã Tân Phú**	
	Ấp Tapasa 1	
	Ấp Đầu Nai	
5	**Xã Hồ Thị Kỷ**	
	Ấp Cây Khô	
6	**Xã Biển Bạch**	
	Ấp Thanh Tùng	
IV	**H. TRẦN VĂN THỜI**	
1	**Xã Khánh Bình Tây Bắc**	
	Ấp 5	
	Ấp Mũi Tràm A	
	Ấp Sào Lưới B	
2	**Xã Khánh Bình Tây**	
	Ấp Đá Bạc A	
	Ấp Cơi 5B	
3	**Xã Khánh Bình Đông**	
	Ấp 6	
	Ấp 8	
	Ấp 9	
	Ấp Minh Hà A	
4	**Xã Khánh Hưng**	
	Ấp Kinh Đứng A	
	Ấp Kinh Đứng B	
5	**Thị trấn Trần Văn Thời**	
	Khóm 4	
V	**HUYỆN PHÚ TÂN**	
1	**Thị trấn Cái Đôi Vàm**	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Ấp Tân Hải	
2	**Xã Nguyễn Việt Khái**	
	Ấp Gò Công	
	Ấp Xẻo Sâu	
	Ấp Tân Quảng Tây	
VI	**HUYỆN CÁI NƯỚC**	
1	**Xã Đông Thới**	
	Ấp Khánh Tư	
VII	**HUYỆN NĂM CĂN**	
1	**Thị trấn Năm Căn**	
	Khóm 5	
2	**Xã Lâm Hải**	
	Ấp Biện Trượng	

DANH SÁCH
CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ

Văn phòng chính phủ
Bộ Quốc phòng
Bộ Công an
Bộ Ngoại giao
Bộ Nội vụ
Bộ Tư pháp
Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Bộ Tài chính
Bộ Công thương
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Bộ Giao thông vận tải
Bộ Xây dựng
Bộ Tài nguyên và Môi trường
Bộ Thông tin và Truyền thông
Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
Bộ Khoa học và Công nghệ
Bộ Giáo dục và Đào tạo
Bộ Y tế
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Thanh tra Chính phủ

II. Cơ quan thuộc Chính phủ

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
Đài Tiếng nói Việt Nam
Đài Truyền hình Việt Nam
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
Thông tấn xã Việt Nam
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Văn phòng TW và các Ban của Đảng

1	Văn phòng Trung ương Đảng
2	Ủy ban kiểm tra Trung ương
3	Ban Tổ chức Trung ương
4	Ban Tuyên giáo Trung ương
5	Ban Nội chính Trung ương

6	Ban Kinh tế Trung ương
7	Ban Dân vận Trung ương
8	Ban Đối ngoại Trung ương

Văn phòng QH, Hội đồng DT và các Ủy ban của QH

1	Văn phòng Quốc hội
2	Hội đồng Dân tộc của Quốc hội
3	Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội
4	Ủy ban Pháp luật của Quốc hội
5	Ủy ban Tư pháp của Quốc hội
6	Ủy ban Kinh tế của Quốc hội
7	Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội
8	Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội
9	Ủy ban Khoa học – Công nghệ và Môi trường của Quốc hội
10	Ủy ban Tài chính – Ngân sách của Quốc hội
11	Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội
12	Kiểm toán Nhà nước

Văn phòng Chủ tịch nước, tòa án.....

1	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
2	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

3	TW Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
4	Trung ương hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
5	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam
6	Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam